

Số: 385 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO
Kế hoạch tập huấn Tự đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ

Căn cứ Thông báo số 318/TB-MĐC ngày 10/6/2022 về Kết luận cuộc họp Triển khai Tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ: Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Khai thác Mỏ, Nhà trường thông báo Kế hoạch tập huấn Tự đánh giá CTĐT thạc sĩ như sau:

- Thời gian: 8h30 - 11h45 Thứ tư ngày 13/7/2022.
- Địa điểm: Hội trường 300.
- Chuyên gia tập huấn: TS. Trần Hữu Lượng, Trưởng phòng Hợp tác-Phát triển, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nội dung tập huấn: Chương trình và tài liệu kèm theo.
- Thành phần:
 - + Phòng ĐBCLGD, Phòng ĐTSĐH; Thành viên các Hội đồng tự đánh giá; Thành viên các Ban thư ký hội đồng TĐG của 03 CTĐT Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Khai thác Mỏ; đại diện lãnh đạo các Phòng KHTC, TCCB, KHCN, CSVC, TT.TTTV.
 - + Đại diện Ban chủ nhiệm các khoa phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; đại diện Ban chủ nhiệm các bộ môn chủ quản CTĐT trình độ thạc sĩ có triển khai công tác tuyển sinh - đào tạo trong Nhà trường (kèm theo).

Ngoài các nội dung sẽ được tập huấn, kính đề nghị đồng chí Thư ký Hội đồng TĐG CTĐT thạc sĩ chuẩn bị trước bằng văn bản tất cả các vấn đề CTĐT của khoa mình đang còn chưa rõ, muốn được chuyên gia tư vấn, giải đáp. Các nội dung này xin gửi file cho Phòng ĐBCLGD (email dambaochatluong@hmg.edu.vn) trước 17h00 Thứ ba ngày 12/7/2022 để Phòng tổng hợp và gửi trước cho chuyên gia.

Nhận được thông báo này, yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- P.Hiệu trưởng (để ph/hợp t/dôi, c/đạo)
- Các đơn vị (để th/hiện hoặc ph/hợp);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Bùi Xuân Nam

Danh sách các CTĐT thạc sĩ của Nhà trường

Chương trình đào tạo thạc sĩ	Khoa chủ quản	Bộ môn chủ quản
1. Khai thác mỏ 2. Kỹ thuật tuyển khoáng	Mỏ	- Khai thác lộ thiên; Khai thác hầm lò - Tuyển khoáng
3. Kỹ thuật địa chất 4. Địa chất học 5. Khoáng vật học và địa hóa học	Khoa học và Kỹ thuật địa chất	- Tìm kiếm - thăm dò; Địa chất công trình; Địa chất thủy văn - Địa chất - Khoáng thạch và địa hóa
6. Kỹ thuật trắc địa - bản đồ 7. Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý 8. Quản lý đất đai	Trắc địa bản đồ và QLDD	- Trắc địa Cao cấp, Trắc địa Công trình, Trắc địa Phổ thông và Sai số, Trắc địa Mỏ, Địa chính. - Bản đồ, Đo ảnh và Viễn thám - Địa chính
9. Kỹ thuật dầu khí 10. Kỹ thuật địa vật lý 11. Kỹ thuật hóa học	Dầu khí	- Khoan – khai thác - Địa vật lý - Lọc - hóa dầu
12. Quản lý kinh tế	Kinh tế và QTKD	Kế toán Doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp Mỏ; Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí; Bộ môn Kinh tế cơ sở
13. Địa tin học	CNTT	Tin học trắc địa
14. Kỹ thuật điện 15. Kỹ thuật cơ khí 16. Kỹ thuật cơ khí động lực 17. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cơ – Điện	- Kỹ thuật điện - Kỹ thuật cơ khí - Tự động hóa xí nghiệp mỏ và dầu khí
18. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm 19. Kỹ thuật xây dựng	Xây dựng	- Xây dựng CNT và mỏ - Kỹ thuật xây dựng - Xây dựng hạ tầng cơ sở
20. Kỹ thuật môi trường	Môi trường	Kỹ thuật môi trường; Môi trường cơ sở; Địa sinh thái và Công nghệ Môi trường

Ghi chú: **chữ đậm**: triển khai Tự đánh giá CTĐT thạc sĩ năm 2022.

Chương trình Tập huấn

Bảo đảm chất lượng và tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ

8h30 - 11h45 Thứ tư ngày 13/7/2022
Hội trường 300 Trường Đại học Mở - Địa chất

THÀNH PHẦN

- Phòng ĐBCLGD, Phòng ĐTSĐH; Thành viên các Hội đồng tự đánh giá; Thành viên các Ban thư ký hội đồng TĐG của 03 CTĐT: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa-bản đồ; đại diện lãnh đạo các Phòng KHTC, TCCB, KHCN, CSVC, TT.TTTV.
- Đại diện Ban chủ nhiệm các khoa phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; đại diện Ban chủ nhiệm các bộ môn chủ quản CTĐT trình độ thạc sĩ có triển khai công tác tuyển sinh - đào tạo trong Nhà trường.

NỘI DUNG

8h30 Khai mạc, giới thiệu đại biểu

- 8h40**
- Một số khác biệt tổng quát giữa đào tạo đại học và thạc sĩ
 - Một số lưu ý cụ thể trong quá trình TĐG CTĐT thạc sĩ
 - Lưu ý trong phân tích tiêu chuẩn (1–11) và tiêu chí đánh giá

10h00-10h15 Giải lao

- Lưu ý trong phân tích tiêu chuẩn (1–11) và tiêu chí đánh giá (tiếp)
- Trao đổi, thảo luận và giải đáp

11h45 Kết thúc buổi tập huấn.



BĐCL VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2022



NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Sử dụng chung tiêu chuẩn, tiêu chí (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn);
- Sự tương đồng và khác biệt trong các quy định của Quy chế đào tạo (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 thay thế Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014);
- Đáp ứng các quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH

Một số khác biệt tổng quát giữa đào tạo đại học và thạc sĩ

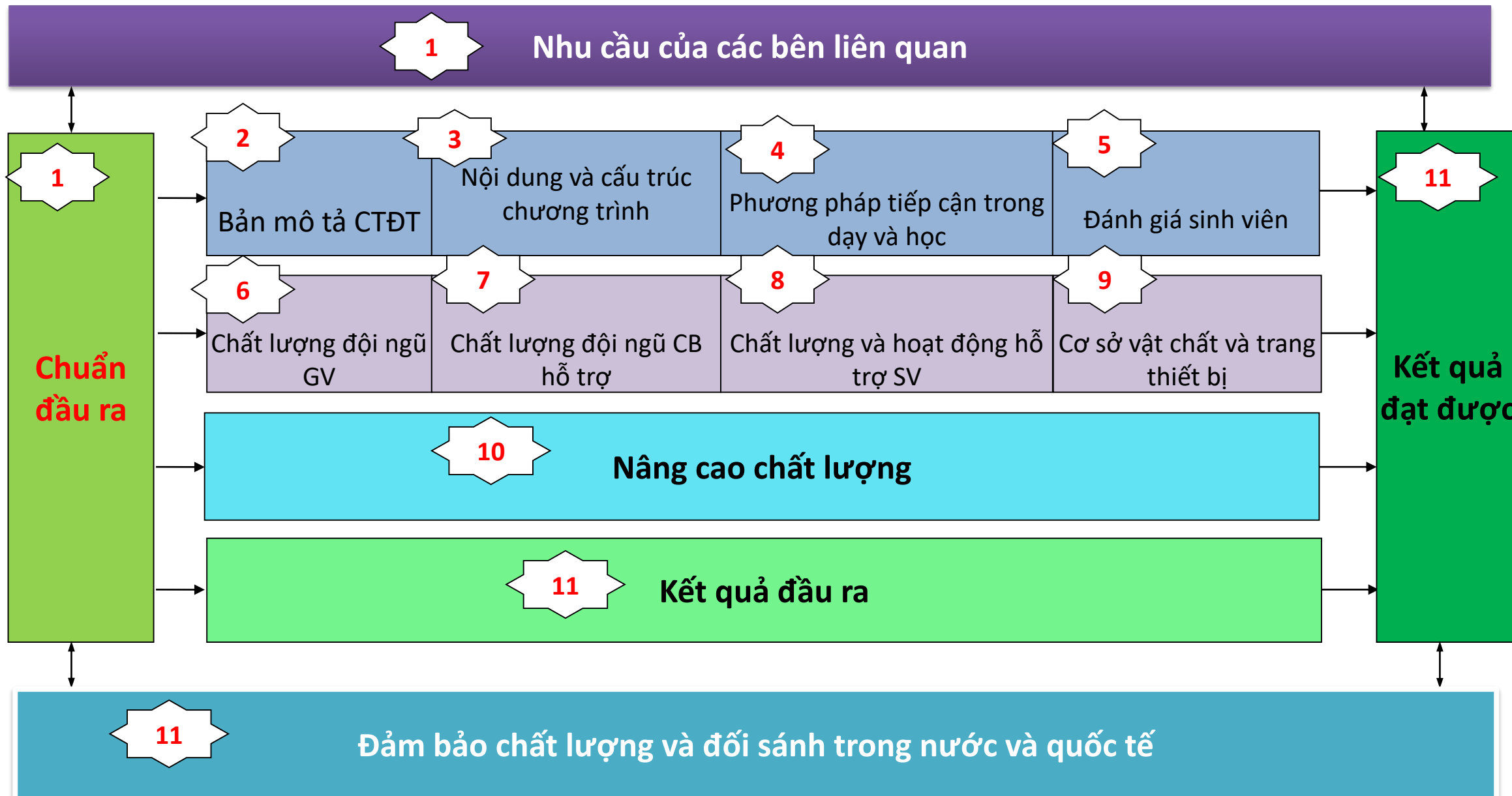
(Các vấn đề theo tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT)

Vấn đề	CTĐT ĐH	CTĐT Thạc sĩ
Mục tiêu và CĐR	Đào tạo “thợ” cổ cồn	Đào tạo “bậc thầy” cổ cồn và áo xanh
	Làm đúng những điều đã biết + sáng tạo ra cái mới tốt hơn: (3/1)	Bậc thầy những điều đã biết + sáng tạo ra cái mới tốt hơn: 1/3 (?)
CTĐT	Không phân biệt CT NC/thực hành	CTĐT định hướng NC/ ứng dụng
Tiếp cận và PP đào tạo, tổ chức dạy học	Bài bản, hệ thống, khắt khe hơn	???
Điều kiện ĐBCL: Đạt mục tiêu và CĐR	Xu hướng ngày càng cao	Cao hơn hẳn
Thông tin, minh chứng	Thường đầy đủ hơn	Không đầy đủ bằng

Một số lưu ý cụ thể trong quá trình TĐG CTĐT thạc sĩ

Vấn đề	Các khó khăn, vướng mắc
1. Mục tiêu và CĐR	Thể hiện sự khác biệt giữa mục tiêu CT nghiên cứu/ ứng dụng
	Không thể hiện rõ từ CĐR, ma trận CĐR của CTĐT NC/ ƯD
	Luận văn: (i) CĐR LV đóng góp vào CĐR CTĐT (ii) NC/ƯD:sáng tạo/ áp dụng, ứng dụng thực tiễn (iii) Không phù hợp chuyên ngành đào tạo
2. Bản mô tả CTĐT	Ít khác biệt CTĐT NC/ƯD
3. CTDH	Ít khác biệt CTĐT NC/ƯD
4. PPDH/ tổ chức dạy học	Khó đạt CĐR, ít chú ý constructive alignment, không phù hợp với ĐT ThS (hầu hết là giảng dạy lý thuyết 2/2)
5. Khắc phục tổng quát	- Dựa vào kết quả đầu ra, mức độ đóng góp cho KH, XH, ... - Đối sánh với CTĐT ĐH, CTĐT định hướng NC/ ƯD - Đánh giá việc áp dụng constructive alignment

Khung đảm bảo chất lượng cấp CTĐT



PHÂN TÍCH TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý



NHÓM TIÊU CHUẨN VỀ THIẾT KẾ VÀ TRIỂN KHAI CTĐT

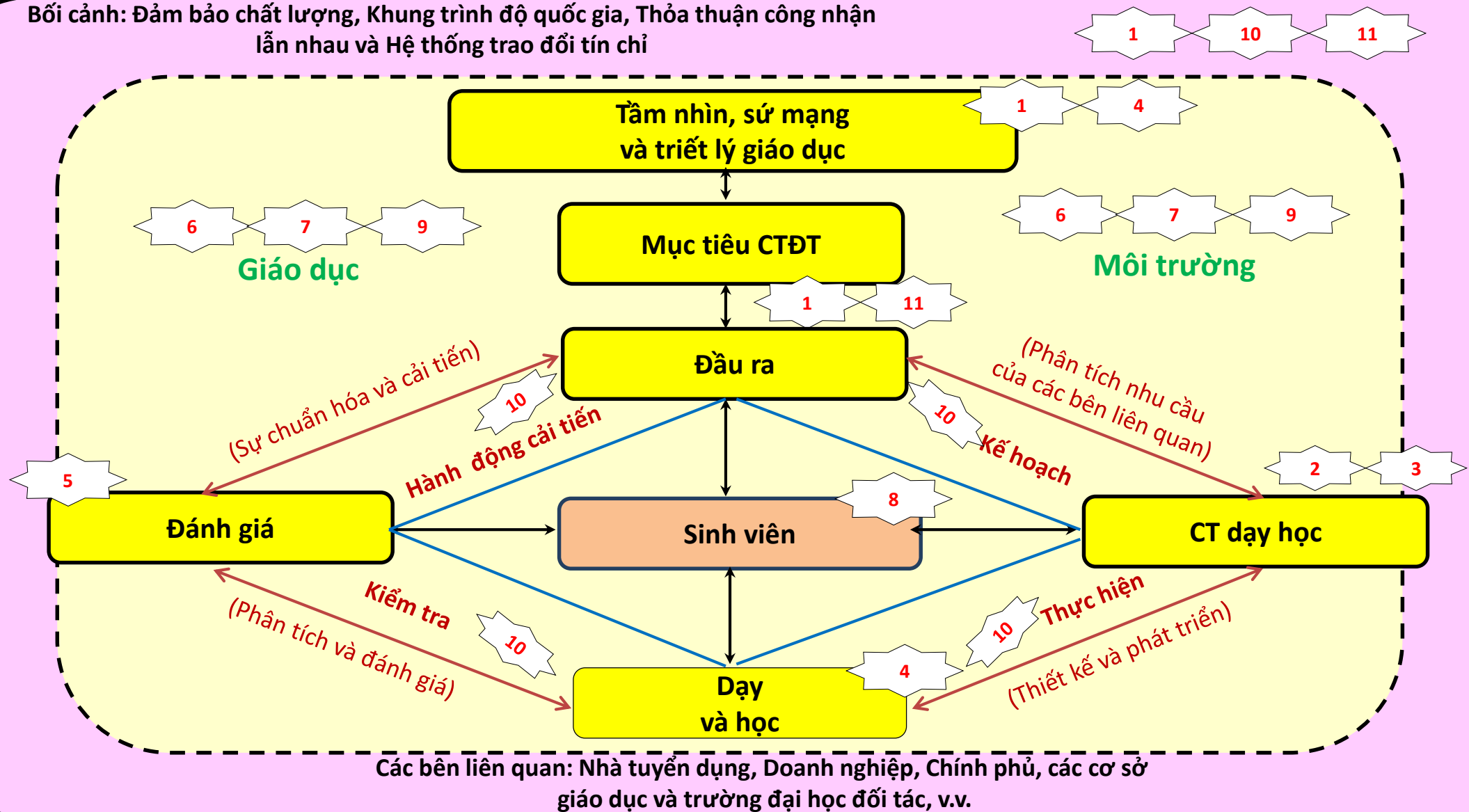
Tiêu chuẩn	Nội dung	Số tiêu chí
1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3
2	Mô tả CTĐT	3
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3
5	Đánh giá kết quả học tập	5
6	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7
7	Đội ngũ nhân viên	5
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5
10	Nâng cao chất lượng	6
11	Kết quả đầu ra	5

KHUNG TÍCH HỢP ĐBCL VÀ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CHO ĐBCL CTĐT

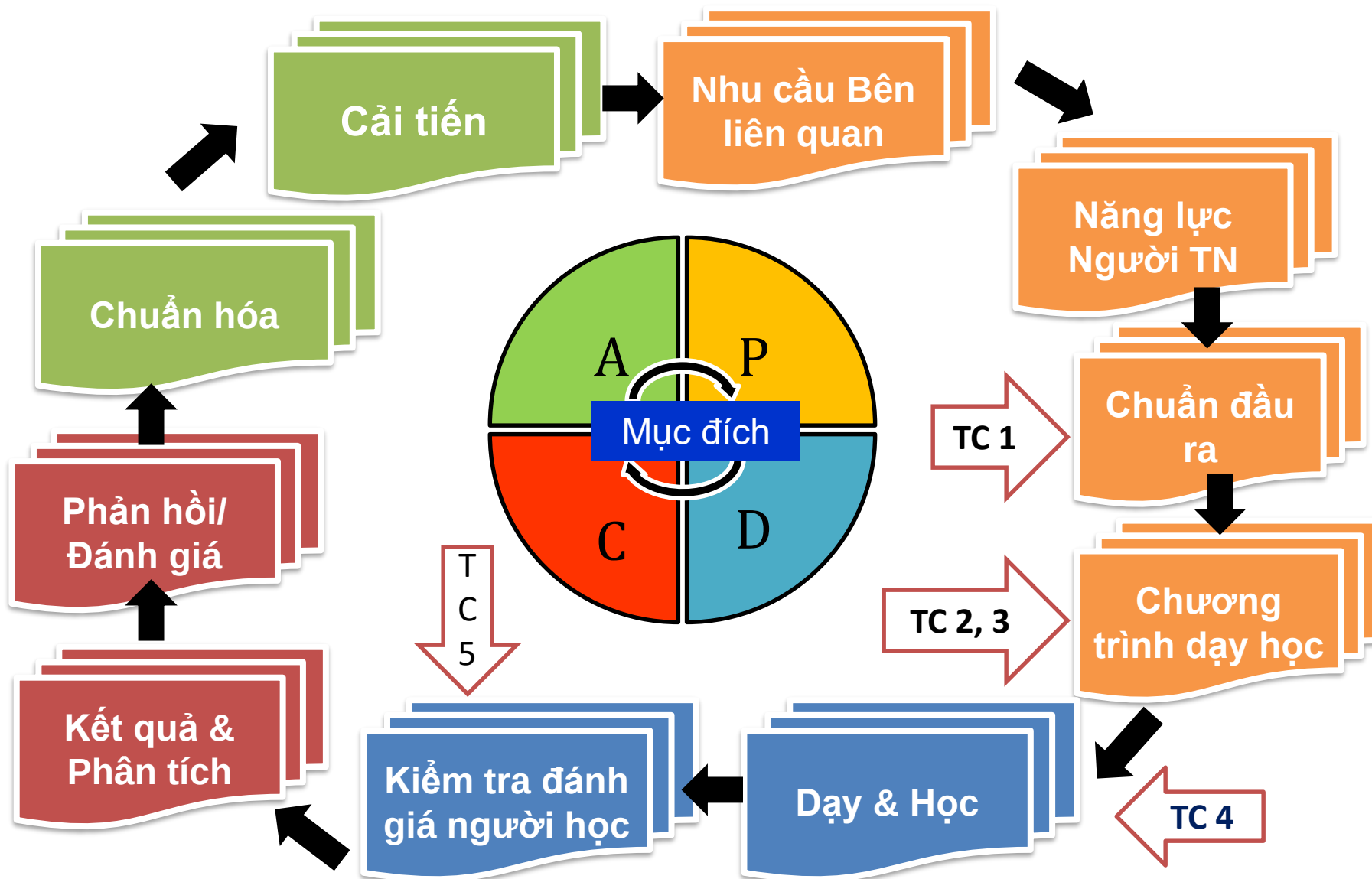
Bối cảnh: Đảm bảo chất lượng, Khung trình độ quốc gia, Thỏa thuận công nhận lẫn nhau và Hệ thống trao đổi tín chỉ

Môi trường: Kinh tế, pháp luật và chính trị

Môi trường: Xã hội và công nghệ



Đảm bảo chất lượng CTĐT theo cách tiếp cận PDCA



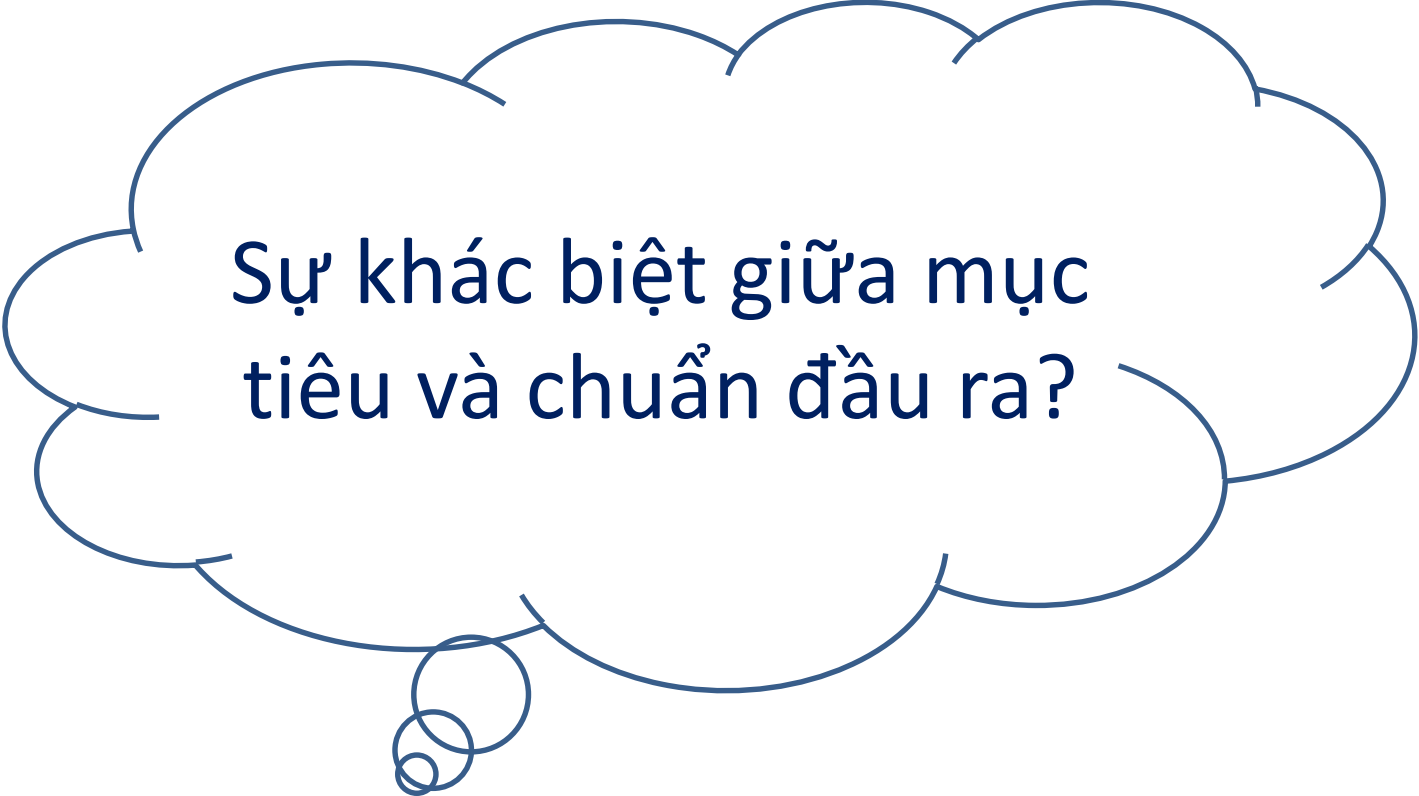
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

1.1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. [1,2] <i>(Lưu ý đối với trình độ ThS)</i>
1.2	Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. [3]
1.3	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan , được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai . [4]

1. Chuẩn đầu ra phản ánh và được xây dựng dựa trên tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường. Tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường được tuyên bố công khai và được cán bộ, GV, SV biết đến.
2. CTĐT phản ánh chuẩn đầu ra mà SV tốt nghiệp cần đạt. Mỗi môn học và nội dung giảng dạy của từng buổi học cần được thiết kế tương thích với những chuẩn đầu ra của chương trình và góp phần đạt được những chuẩn đầu ra này.
3. CTĐT được thiết kế bao gồm đầu ra cho kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và đầu ra tổng quát (kỹ năng mềm) như giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, làm việc nhóm...
4. Chuẩn đầu ra của chương trình được xây dựng rõ ràng, phản ánh nhu cầu và yêu cầu của các bên liên quan.

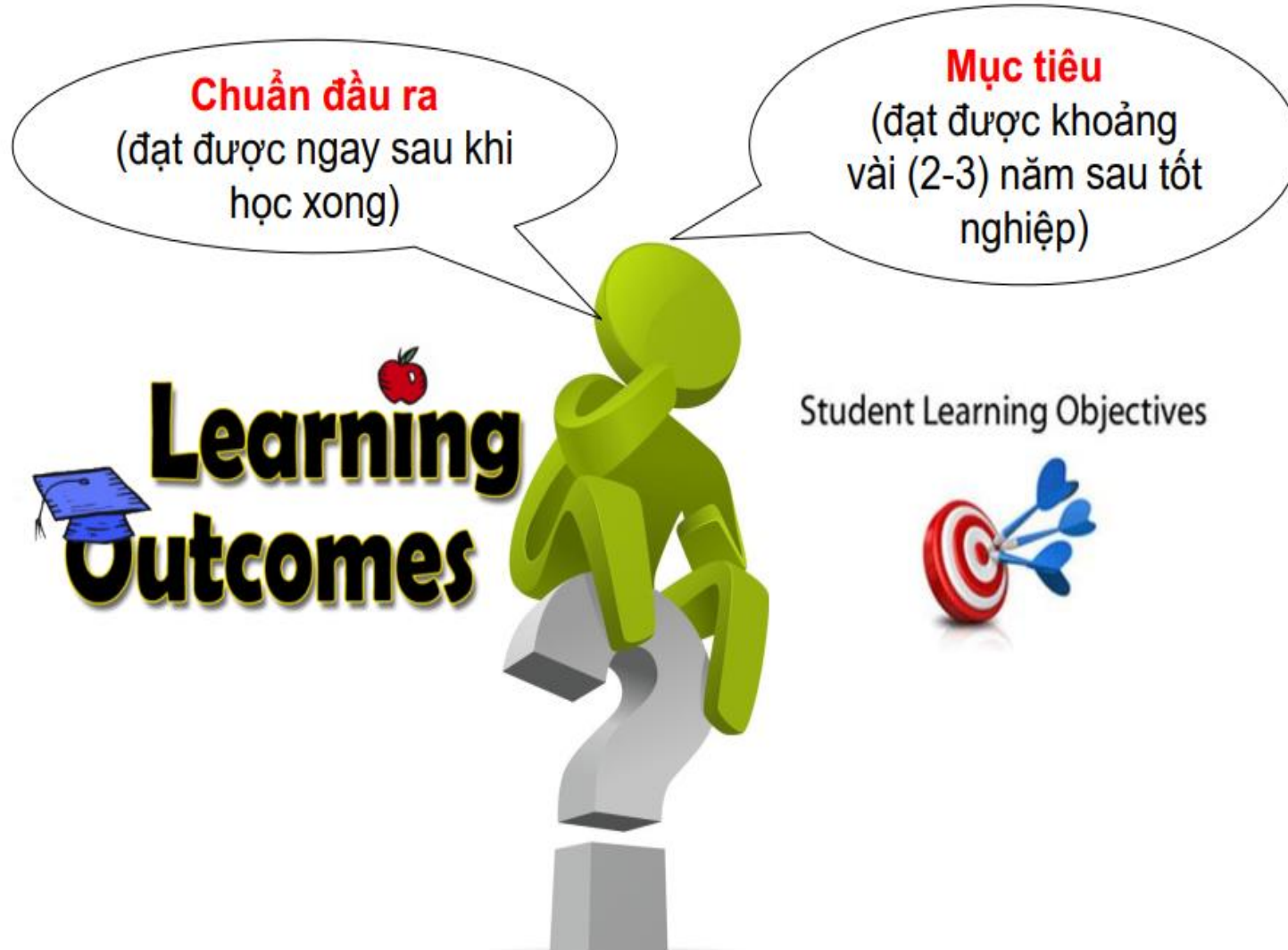
Một số lưu ý cụ thể về TĐG CTĐT Thạc sĩ

Vấn đề	Cần đặc biệt lưu ý
1. Mục tiêu và CĐR	• Sự phát triển thế nào từ mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ Đại học?



Sự khác biệt giữa mục
tiêu và chuẩn đầu ra?

Sự khác biệt giữa Mục tiêu và CĐR CTĐT



CHUẨN ĐẦU RA



MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI CĐR CTĐT

- ☐ Đúng quy định
- ☐ Thể hiện sứ mạng, tầm nhìn của CSGD
- ☐ Rõ ràng
- ☐ Phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học (Lưu ý trình độ ThS)
- ☐ Thể hiện được yêu cầu của các bên liên quan
- ☐ Yêu cầu KT, KN, NLTCTN so với CĐR trình độ ĐH của CTĐT tương ứng thế nào?

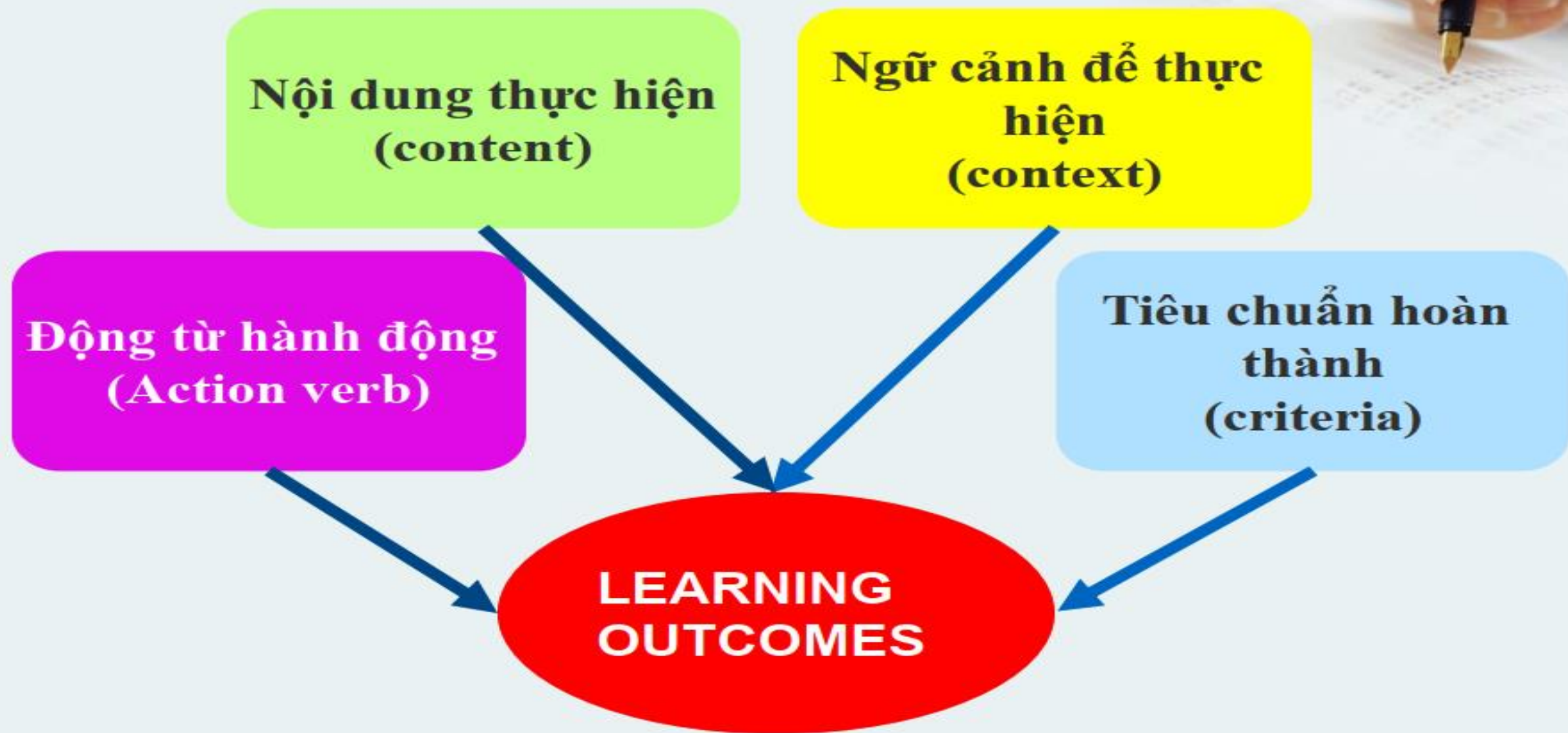
Chuẩn đầu ra CTĐT

- Chuẩn đầu ra CTĐT (**Program Expected Learning Outcomes - PLOs**) là những nội dung cụ thể hóa mục tiêu CTĐT được trình bày thành một danh sách các CĐR được đo lường, đánh giá.
- Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp (TT 17/2021/TT-BGDĐT)
- Chuẩn đầu ra bao gồm: Kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn (Khung TĐQGVN).
- **Năng lực người học** đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/ chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

Chuẩn đầu ra của CTĐT/học phần

- Các thông báo về những gì người học được kỳ vọng sẽ đạt được như là **kết quả của quá trình học tập** (học phần/ chương trình đào tạo)
- Được diễn đạt từ phía **người học** (người học có thể làm được gì sau khi học xong học phần/ CTĐT)
- Được diễn đạt thông qua các **động từ chỉ hành động** có thể quan sát và đánh giá được
- Có mối quan hệ chặt chẽ với các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học

CẤU TRÚC LOs



Thang cấp độ tư duy Bloom

Nhận thức (Benjamin Bloom, 1956)	Nhận thức (Anderson & Krathwohl, 2001)	Cảm xúc (Krathwohl et al., 1999)	Tư duy (Dave, 1967)	Subject (Atkinson, 2012)
Biết	Ghi nhớ	Nhận	Bắt chước	Nhận định
Hiểu	Hiểu			
Áp dụng	Áp dụng	Phản hồi	Vận dụng	Đặt vào bối cảnh
Phân tích	Phân tích	Đưa ra thái độ	Chuẩn hóa	Khái niệm hóa
Tổng hợp	Đánh giá	Hình thành quan điểm	Liên kết kiến thức	Triển khai
Đánh giá	Tạo mới	Tiếp thu chủ động	Biểu hiện	Trìu tượng hóa

Xây dựng Chuẩn đầu ra

Chú ý khi viết chuẩn đầu ra:

- Chọn các động từ thích hợp theo thang Bloom
- Nên dùng một động từ diễn tả một chuẩn đầu ra
- Tránh các động từ mơ hồ gây nhầm lẫn chuẩn đầu ra với mục tiêu: *know (biết), understand (hiểu), learn (học), be familiar with (làm quen), be exposed to (được tiếp xúc với), be aware of (nhận biết), have (có), ...*
- Tránh có quá nhiều động từ trong một CĐR: *SV có thể phân tích, trình bày và so sánh được sự khác nhau giữa ...*
- Tránh CĐR thể hiện tiến trình, vì không thể đánh giá ở một thời điểm: DUY TRÌ, TIẾP TỤC, MỞ RỘNG, TĂNG CƯỜNG, TỐI ĐA HÓA, ...
- Tránh sử dụng các câu quá phức tạp, khó hiểu.

National Qualification Framework

KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (VQF)

Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016

	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
6 Bậc đại học	✓ Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. ✓ Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. ✓ Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. ✓ Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. ✓ Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	✓ Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. ✓ Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. ✓ Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. ✓ Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. ✓ Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. ✓ Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	✓ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. ✓ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. ✓ Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ✓ Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (VQF)

Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016

	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
7 Bậc Thạc sỹ	✓ Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. ✓ Kiến thức liên ngành có liên quan. ✓ Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	✓ Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; ✓ Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. ✓ Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. ✓ Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. ✓ Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	✓ Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. ✓ Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. ✓ Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. ✓ Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Ví dụ

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

2.1	Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật. [1,2]
2.2	Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. [1,2]
2.3	Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. [1,2]

- 1. Nhà trường nên công bố và phổ biến bản mô tả CTĐT đào tạo và bản mô tả môn học, trong đó trình bày thông tin chi tiết về chương trình nhằm giúp các bên liên quan có đủ thông tin để lựa chọn chương trình học phù hợp.*
- 2. Bản mô tả CTĐT, bản mô tả môn học trình bày các kết quả học tập mong đợi về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tài liệu này giúp SV biết được các phương pháp dạy và học giúp đạt được kết quả học tập mong đợi; các phương pháp đánh giá để đo mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi và mối liên quan giữa CTĐT và các nội dung giảng dạy.*

Một số lưu ý cụ thể về TĐG CTĐT Thạc sĩ

Vấn đề	Cần đặc biệt lưu ý
2. Bản mô tả	• Thể hiện được triết lý đào tạo của CTĐT? • Hiệu quả sử dụng?

Ví dụ:

- Bản mô tả CTĐT
- Đề cương học phần

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học

3.1	Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. [1]
3.2	Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng. [2]
3.3	Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp. [3,4,5,6]

1. CTĐT, phương pháp dạy và học, hoạt động kiểm tra, đánh giá SV cần tương thích với nhau để đảm bảo việc đạt được kết quả học tập mong đợi.
2. CTĐT được thiết kế đảm bảo việc đạt được kết quả học tập mong đợi, trong đó, mức độ đóng góp của từng môn học vào việc đạt kết quả học tập mong đợi được xác định rõ ràng.
3. Các môn học được xây dựng với cấu trúc, trình tự hợp lý và có sự gắn kết với nhau.
4. Cấu trúc của CTĐT thể hiện rõ mối quan hệ và tiến trình giảng dạy của các môn cơ bản, cơ sở và chuyên ngành.
5. CTĐT có cấu trúc linh hoạt, cho phép SV vừa có thể đi sâu vào một chuyên ngành, vừa có thể cập nhật những thay đổi và tiến bộ trong cùng lĩnh vực.
6. CTĐT được định kỳ rà soát để đảm bảo sự phù hợp và tính cập nhật

Một số lưu ý cụ thể về TĐG CTĐT Thạc sĩ

Vấn đề	Cần đặc biệt lưu ý
3. CTDH	• Đáp ứng yêu quy định theo TT 15/2014, TT 07/2015? TT17/2021/TT-BGDĐT? • Sự liên thông, phát triển từ CTĐT ĐH tương ứng?

Yêu cầu tiêu chuẩn 3

- CTĐT cần đảm bảo phương pháp dạy và học; hoạt động kiểm tra, đánh giá SV góp phần hỗ trợ việc đạt được kết quả học tập mong đợi. Biggs (2003) gọi tiến trình này là “kiến tạo thống nhất ” (Constructive Alignment).
 - ✓ “**Kiến tạo**” (Constructive) có nghĩa là SV chủ động tạo ra sự hiểu biết dựa trên các hoạt động dạy và học có liên quan.
 - ✓ “**Thống nhất**” (Alignment) là khái niệm để chỉ hoạt động dạy và học; hoạt động kiểm tra, đánh giá SV được xây dựng thống nhất với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được kết quả học tập mong đợi.

KIẾN TẠO ĐỊNH HƯỚNG CONSTRUCTIVE ALIGNMENT

Mức độ

Tư duy bậc cao:

6. Sáng tạo

5. Đánh giá

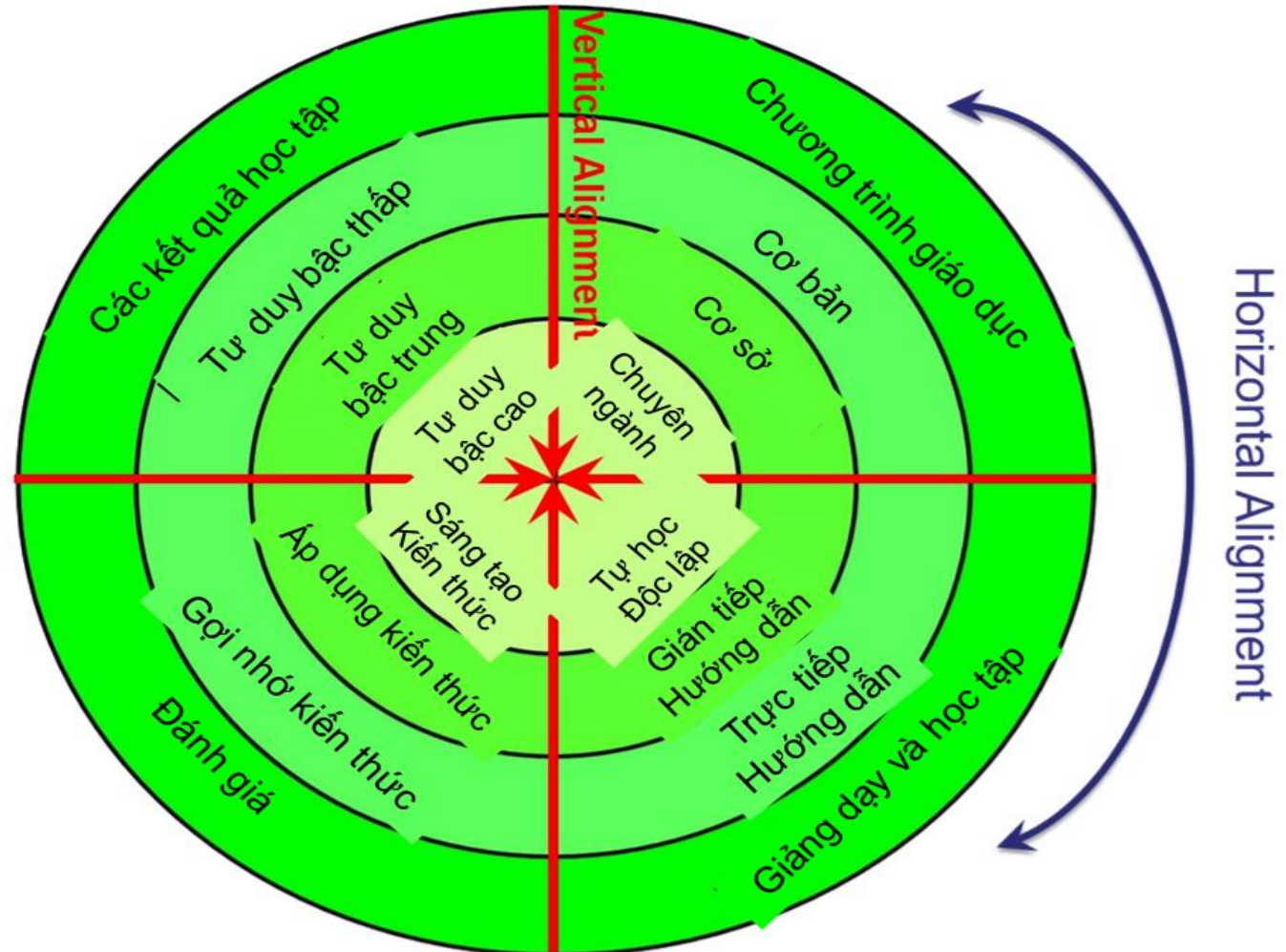
4. Phân tích

3. Vận dụng

Tư duy bậc thấp

2. Hiểu

1. Nhớ



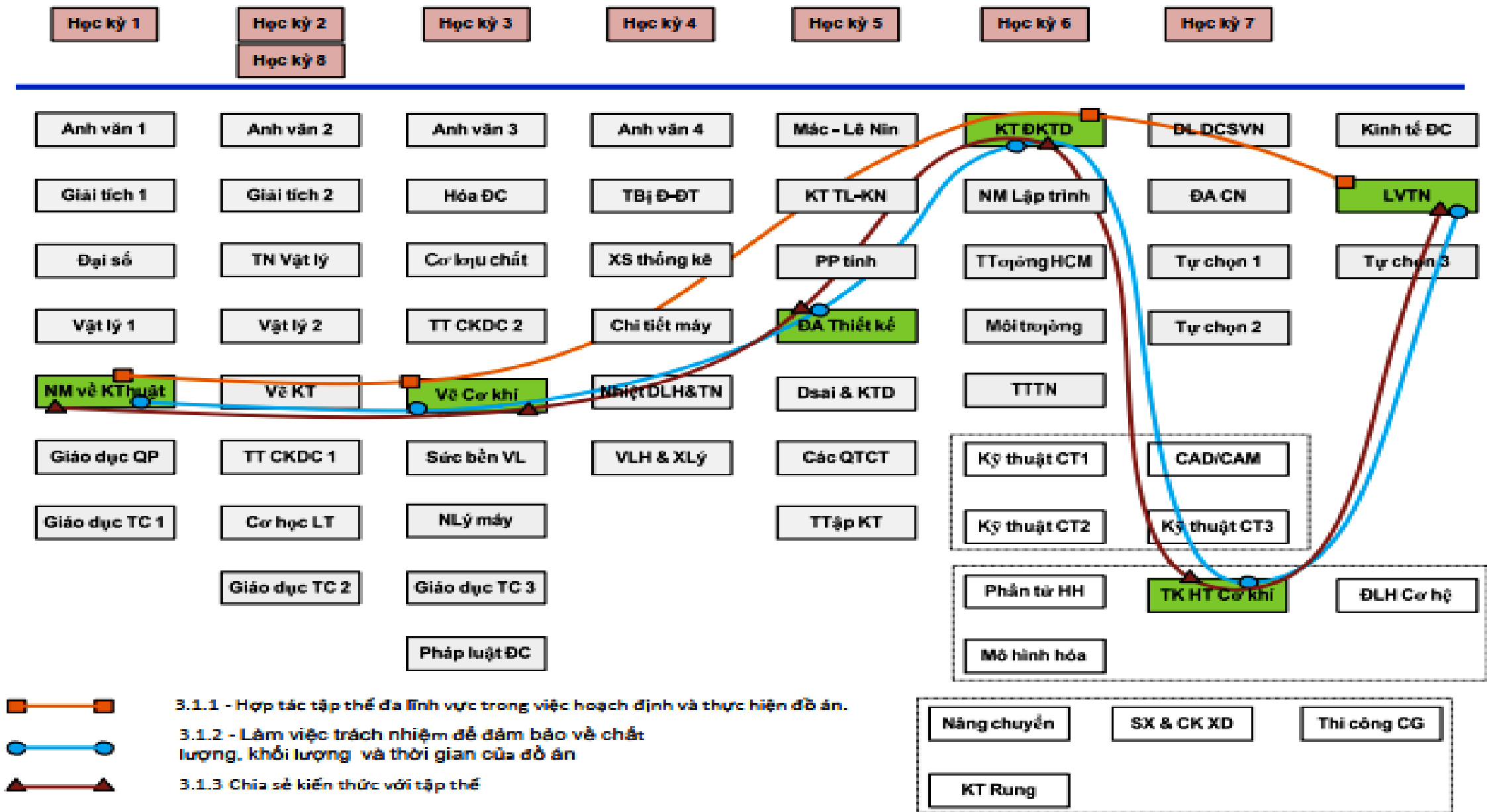
MA TRẬN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CỦA CTĐT

Phát triển CTDH từ CĐR CTĐT: Ma trận học phần/ Ma trận kỹ năng

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL TCTN	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Triết học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	3	3
Kinh tế chính trị	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3

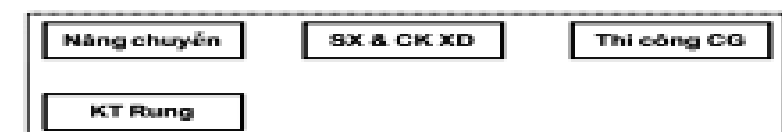
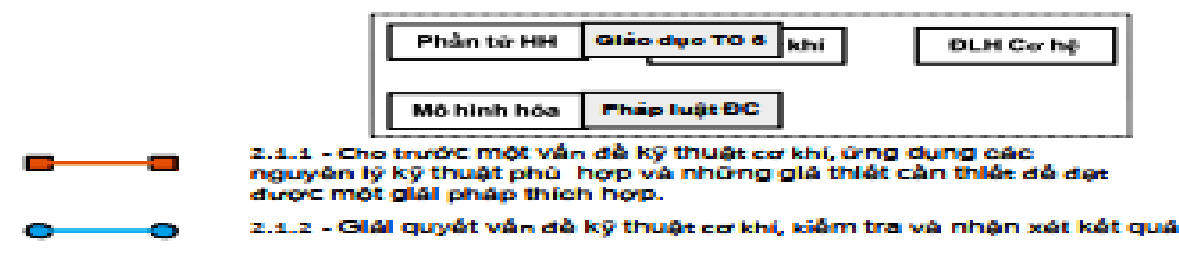
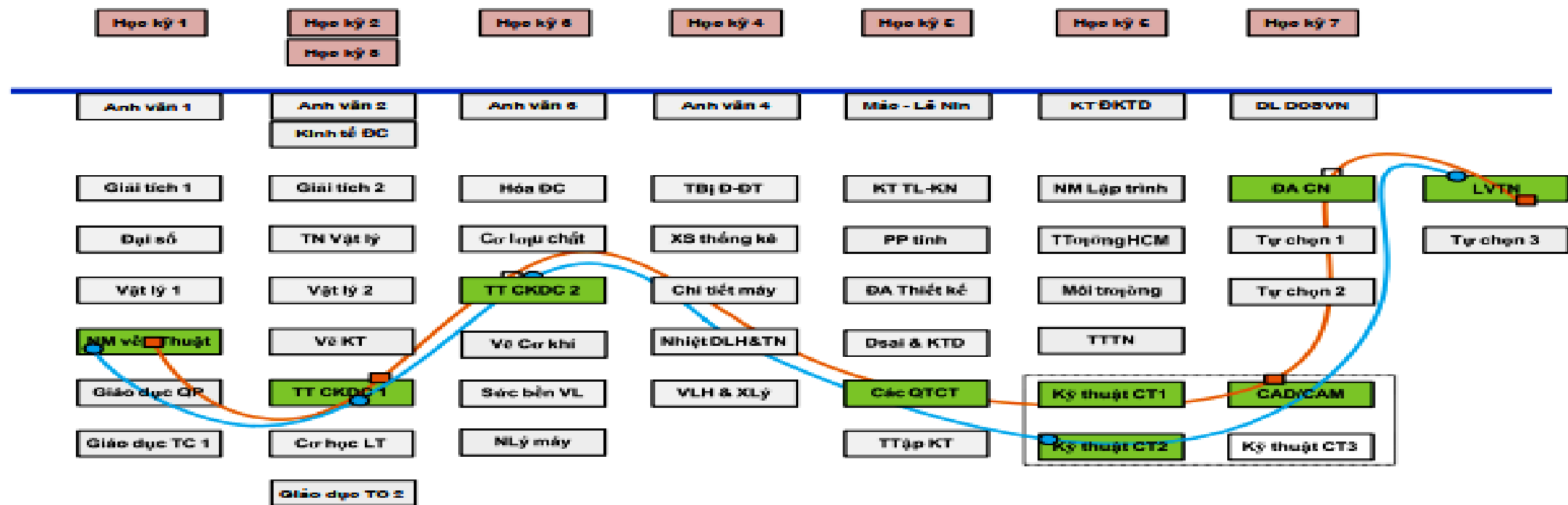




Bảng 13

Biểu đồ phát triển năng lực làm việc nhóm

on học

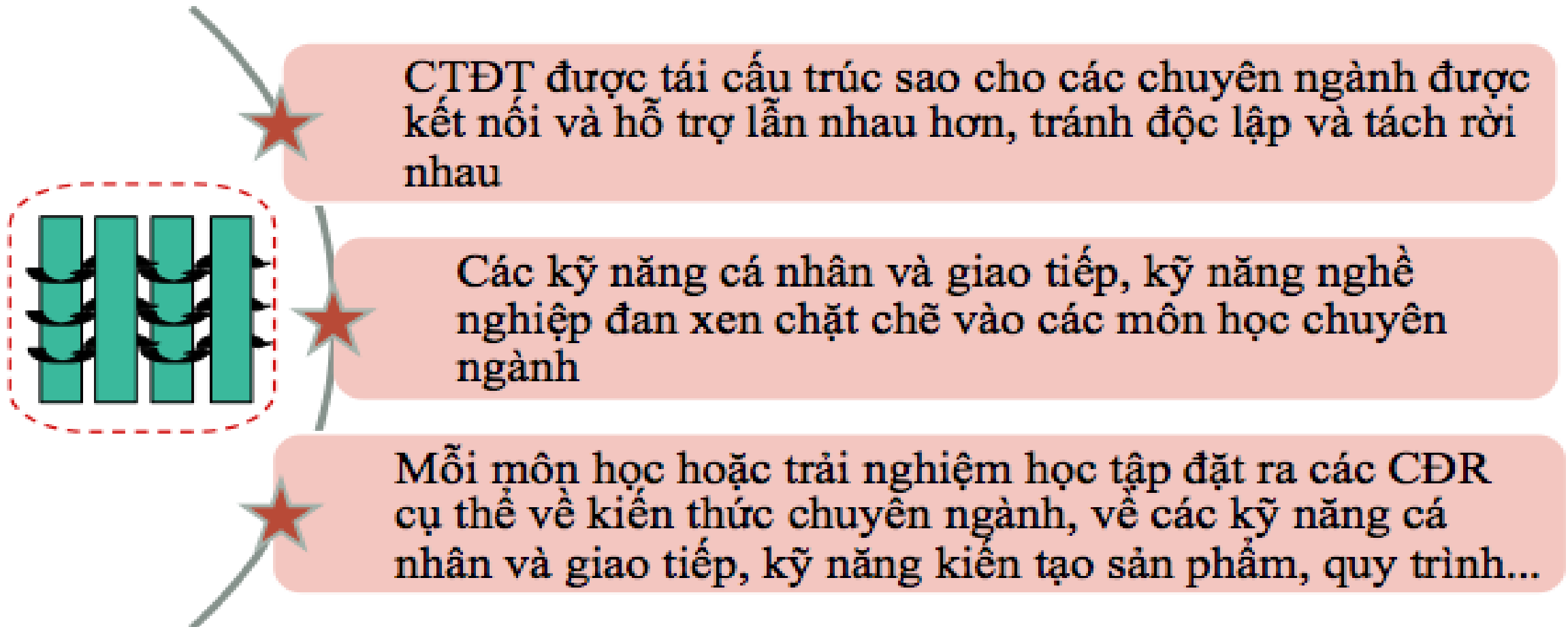


Bảng 12. B qua các

Biểu đồ phát triển năng lực, khả năng phân tích kỹ thuật và giải quyết vấn đề qua các học phần

Chương trình đào tạo tích hợp

CTĐT được thiết kế với các học phần chuyên ngành hỗ trợ lẫn nhau, với một kế hoạch rõ ràng để kết hợp các kỹ năng cá nhân và giao tiếp; các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình, hệ thống.



Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

4.1	Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. [1]
4.2	Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. [2,3,4,5]
4.3	Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. [6]

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- 1. Triết lý giáo dục của nhà trường thường quyết định phương thức dạy và học. Triết lý giáo dục được định nghĩa là một hệ thống các tư tưởng tác động đến nội dung và phương thức giảng dạy. Triết lý giáo dục xác định mục đích giáo dục, vai trò của GV, SV, nội dung và PPGD.**
- 2. Học tập có chất lượng được hiểu là SV chủ động tạo ra sự hiểu biết chứ không thụ động tiếp thu những gì được truyền đạt từ GV. Đây là quan điểm học tập có chiều sâu – SV tự tạo ra sự hiểu biết để đạt đến sự thông tuệ trong học tập.**
- 3. Học tập có chất lượng phụ thuộc nhiều vào phương thức học tập của SV. Điều này lại phụ thuộc vào quan điểm của SV về việc học, sự nhận thức về mức độ lĩnh hội của bản thân và việc lựa chọn chiến lược học tập phù hợp.**
- 4. Học tập có chất lượng tuân thủ các nguyên tắc học tập. SV học hiệu quả nhất trong một môi trường thoải mái, thân thiện, có nhiều sự hợp tác, trợ giúp.**
- 5. Để phát triển ý thức trách nhiệm trong học tập cho SV, người GV cần:**
 - Tạo môi trường dạy - học thuận lợi giúp SV học một cách có trách nhiệm;**
 - Cung cấp những chương trình học linh hoạt giúp SV có thể lựa chọn môn học, lộ trình học, phương thức đáp ứng yêu cầu KTĐG, phương thức đào tạo và thời lượng học tập tối ưu.**
- 6. Phương pháp dạy và học cần khuyến khích SV học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời (sự cam kết tìm hiểu có suy xét, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới,...)**

Một số lưu ý cụ thể về TĐG CTĐT Thạc sĩ

Vấn đề	Cần đặc biệt lưu ý
4. Phương pháp dạy-học	• Hướng dẫn NCKH, phát triển khả năng tư duy của HV? • Các phương pháp DH áp dụng đối với bậc học Thạc sĩ

Triết lý giáo dục là gì?

*Một tập hợp các niềm tin có liên quan đến nhau ảnh hưởng tới
phương pháp và **nội dung giảng dạy** của GV.*

Nó giải đáp cho một loạt các câu hỏi về:

***mục tiêu** của giáo dục;*

***vai trò** của GV;*

*người học **cần học những gì** và học **bằng cách nào**...*



Triết lý Giáo dục (NUS)

Cộng đồng sinh viên, giáo viên và quản trị viên NUS tìm cách giúp sinh viên trở thành những cá nhân có **đầu óc hoài nghi**, sẵn sàng và có khả năng kiểm chứng những điều được coi là đương nhiên, và những người tham gia vào cuộc điều tra khắt khe bên trong và vượt ra ngoài những biên giới tư duy cố hữu; những **cá nhân toàn diện về trí tuệ và nhân cách**, những thành viên **xây dựng và trách nhiệm của cộng đồng**, sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo và ý thức được những hoạt động của bản thân có tác động thế nào với những người khác; những **công dân toàn cầu** nhạy bén với các bối cảnh văn hóa đa dạng, nhận thức được tiềm năng họ mang lại, vừa có thể hoạt động trong đó, vừa ý thức được sự riêng biệt, giá trị và những giới hạn của quan điểm cá nhân; những người có tinh thần **tháo vát, dám nghĩ dám làm** trong cuộc sống công và tư; và những **nhà thương thuyết tài năng** có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng hiệu quả; Nhà trường tìm cách khắc sâu vào mỗi sinh viên những phẩm chất trên **thông qua giáo dục chính thức và không chính thức, mở rộng từ môi trường lớp học ra một nền văn hóa rộng lớn hơn nhiều, bao gồm vô vàn những cơ hội học tập và sinh sống**.

NUS nhìn nhận vai trò giáo dục đặc biệt của mình như một trường đại học mang cả bản sắc châu Á và quốc tế. Vị trí độc đáo này tạo nên những quan điểm độc đáo không kém, cho phép Trường duy trì tầm nhìn toàn cầu, đồng thời kéo lại và phản chiếu đặc điểm và nguồn lực của khu vực.

Nguồn: <http://www.nus.edu.sg/registrar/edu.html>

Triết lý Giáo dục (NUS)

Triết lý Giáo dục	Chương trình giảng dạy
Tư duy bao quát và hoài nghi	Chương trình giảng dạy tích hợp trên diện rộng
Tháo vát, dám nghĩ dám làm	Những khóa học về đổi mới và khởi nghiệp Các trường học ở nước ngoài
Công dân toàn cầu, bản sắc châu Á và quốc tế	Các trường học ở nước ngoài, hoạt động thực tập, trao đổi sinh viên quốc tế.
Có tinh thần xây dựng, trách nhiệm và giao tiếp tốt	Những kỹ năng đáp ứng tương lai
Môi trường học tập	Học tập tại chỗ và trải nghiệm

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học



Những năng lực CTĐT cần trang bị cho người học

Tự khám phá kiến thức

- Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau, lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình

Ghi nhớ kiến thức lâu dài

- Khả năng hiểu chứ không phải học thuộc

Nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới

- Khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau

Tạo ra kiến thức mới

- Biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ

Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề

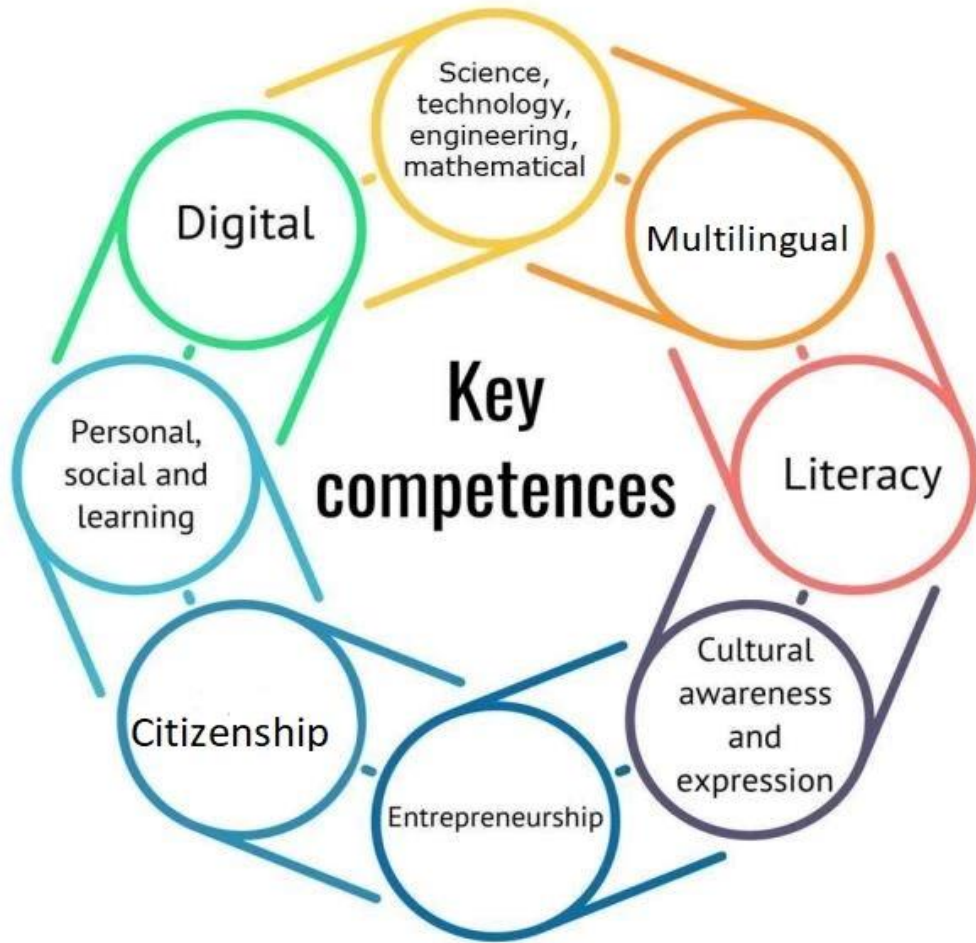
Truyền đạt kiến thức cho người khác

- Diễn đạt những suy nghĩ và hành động độc lập của mình một cách mạch lạc và rõ ràng

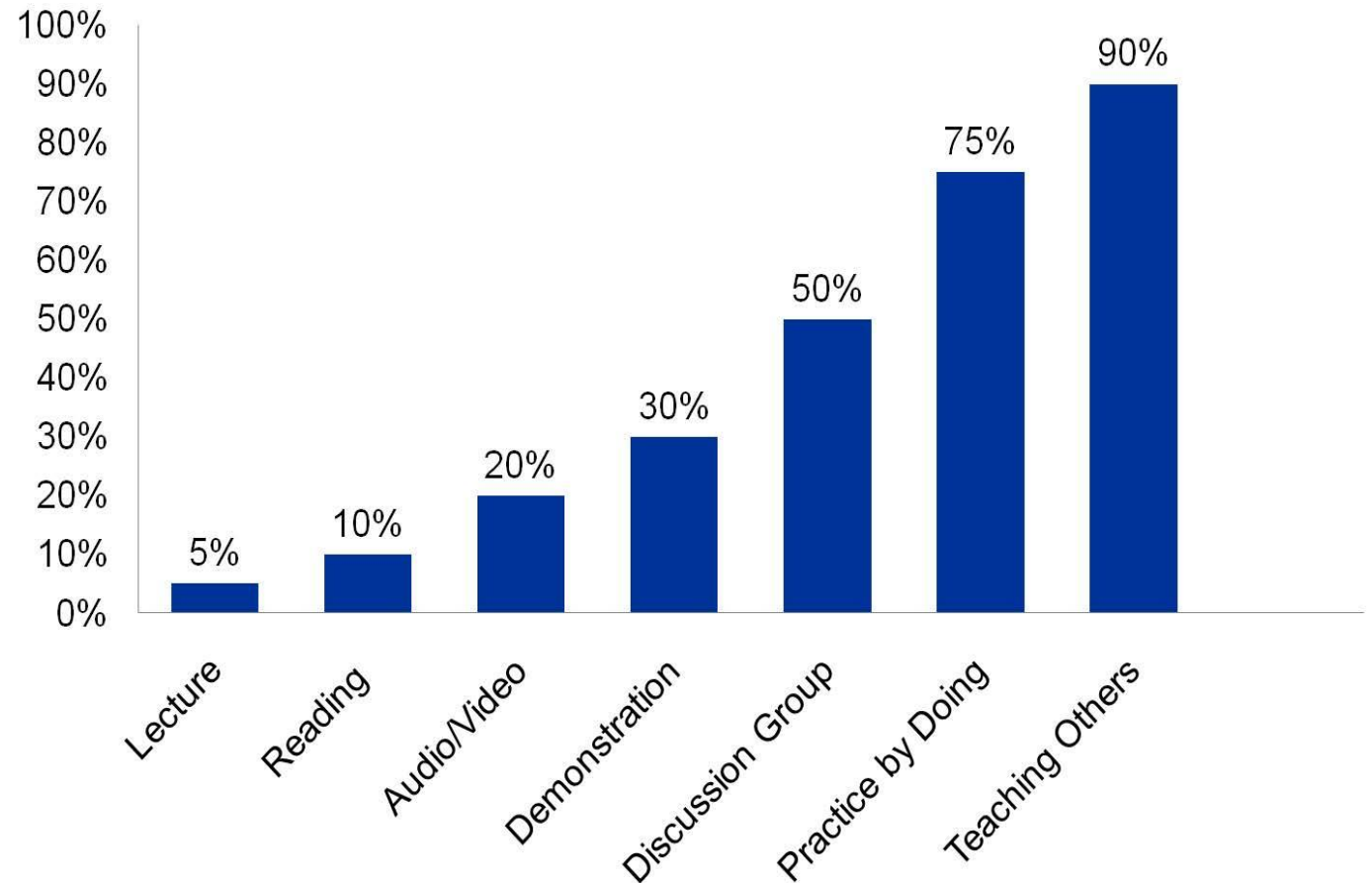
Tính hiếu học

- Có tinh thần học tập suốt đời.

Chiến dạy - học, Phương pháp dạy - học, học tập suốt đời



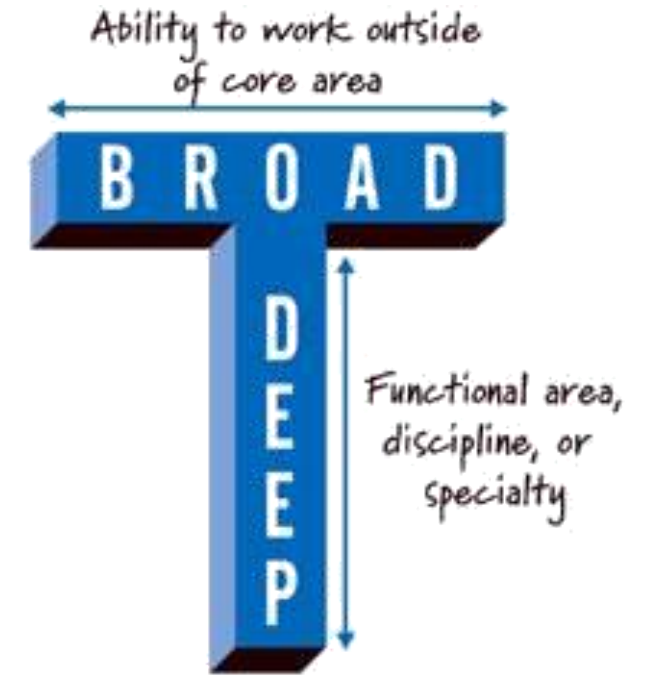
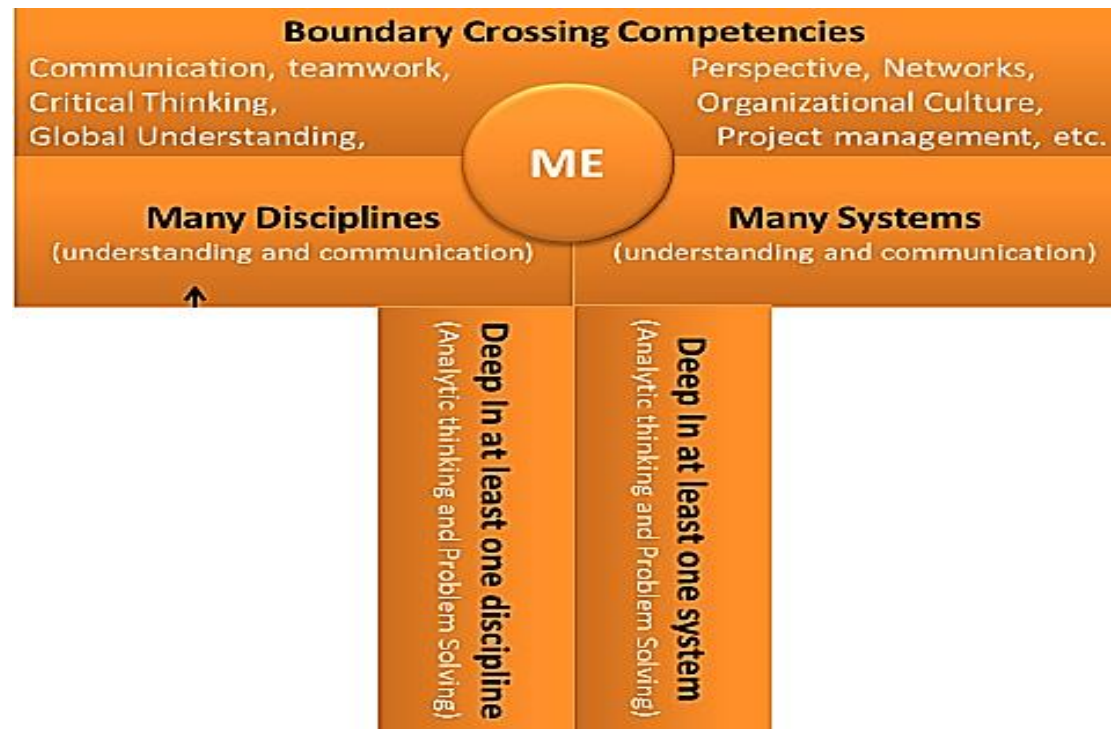
Difference in memory after learning by teaching technique



Results of studies by The National Training Laboratories in Bethel, Maine

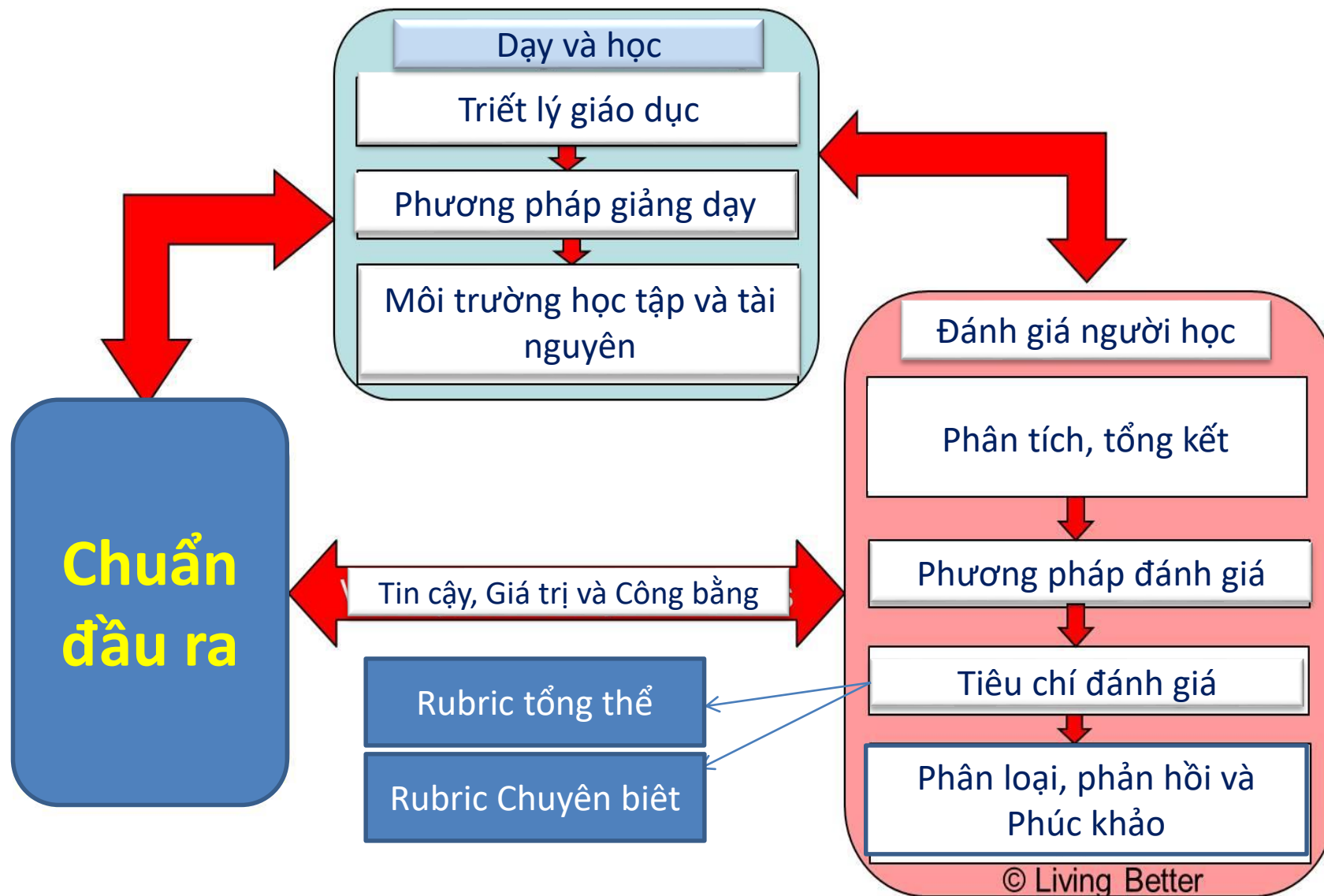
Phát triển mạnh hơn nữa các hoạt động ngoại khóa, bồi dưỡng giúp SV phát triển kỹ năng (cứng và mềm) và kiến thức liên quan

- Mô hình ẩn dụ được sử dụng để mô tả khả năng của những nhân viên ở nơi làm việc
 - Thanh dọc = độ sâu của kiến thức chuyên môn (*expertise*);
 - Thanh ngang = bề rộng của kỹ năng và các kiến thức liên quan (*khả năng làm việc ở các lĩnh vực bên ngoài chuyên môn riêng*)



Copyright © 2012, Kenneth S. Rubin and Innolution, LLC. All Rights Reserved.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học



Tiêu chuẩn 5. Đánh giá KQHT của người học

5.1	Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.
5.2	Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.
5.3	Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng .
5.4	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập .
5.5	NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Một số lưu ý cụ thể về TĐG CTĐT Thạc sĩ

Vấn đề	Cần đặc biệt lưu ý
5. Đánh giá KQHT	• Khả năng độc lập, sáng tạo, tư duy phản biện? • Các PP KTĐG của SĐH có khác biệt so với ĐH, đặc biệt là đánh giá luận văn thạc sĩ

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập

1. Kiểm tra - đánh giá gồm:

- **Tuyển sinh.**
- **Kiểm tra, đánh giá liên tục trong suốt khóa học.**
- **Bài thi cuối khóa/tốt nghiệp.**

2. Để đảm bảo sự tương thích có định hướng, nhà trường cần áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với kết quả học tập mong đợi. Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần đo được mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi của chương trình/môn học.

3. Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá một cách có hệ thống để phục vụ các mục đích đánh giá khác nhau như đánh giá đầu vào/thi xếp lớp (diagnostic), đánh giá quá trình (formative), đánh giá tổng kết/đầu ra (summative).

4. Thông tin về hoạt động kiểm tra đánh giá bao gồm: các mốc thời gian, các phương pháp kiểm tra đánh giá, tỉ lệ phân bổ điểm, bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm,... cần được thông báo công khai và phổ biến đến tất cả các bên liên quan.

5. Các tiêu chuẩn áp dụng trong kiểm tra, đánh giá phải tường minh và nhất quán trong toàn bộ CTĐT.

6. Áp dụng các quy trình/biện pháp để đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá có độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

7. Độ tin cậy và độ giá trị của các phương pháp đánh giá cần được văn bản hóa và thường xuyên được rà soát; phát triển và thử nghiệm các phương pháp kiểm tra, đánh giá mới.

8. Có quy trình khiếu nại về kết quả kiểm tra, đánh giá hợp lý để SV dễ dàng tiếp cận.

CÁC LOẠI ĐÁNH GIÁ

a

- Đánh giá đầu vào/thi xếp lớp (diagnostic)

b

- Đánh giá quá trình (formative)

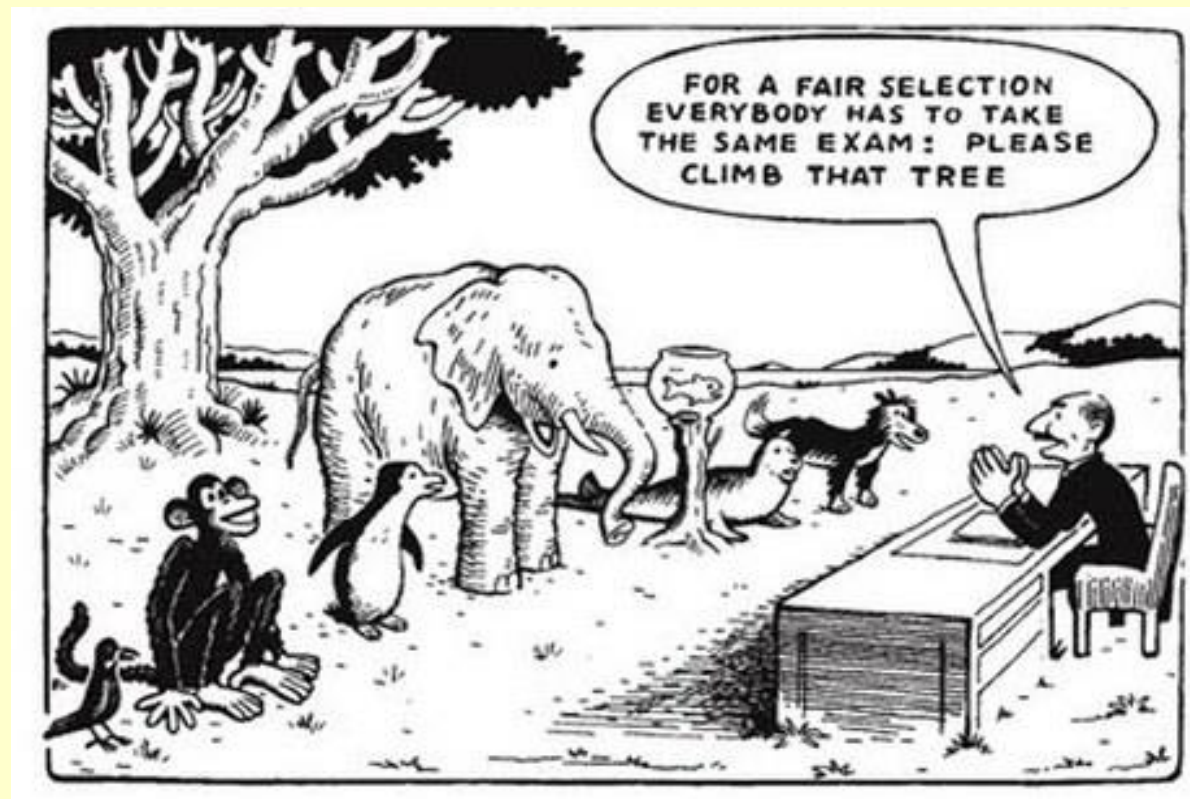
c

- Đánh giá tổng kết/đầu ra (summative)

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Phương pháp đánh giá:

- TNKQ
- Bài kiểm tra ngắn
- Tiểu luận
- Trắc nghiệm thực hành
- Thi viết
- Thực địa/ thực tập
- Dự án
- Kiểm tra trong phòng TN
- Luận án
- Bài tập tính huống



Nguyên tắc đánh giá:

- Phải hợp lệ
- Phải tin cậy và nhất quán
- Phải chính xác
- Phải công bằng

YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐÁNH GIÁ

ĐỘ GIÁ TRỊ

- Đo đúng cái cần đo (các yếu tố/tiêu chí đánh giá tương thích với kiến thức/kỹ năng phản ánh trong chuẩn đầu ra tương ứng)

ĐỘ TIN CẬY

- Kết quả đánh giá nhất quán từ hai giảng viên cùng đánh giá một bài làm của người học hoặc từ một giảng viên nhưng ở những thời điểm khác nhau

CÔNG BẰNG

- Người học được cung cấp thông tin về các tiêu chí đánh giá/chấm điểm
- Chấm điểm dựa trên các tiêu chí cụ thể
- Người học được hướng dẫn đầy đủ về các kiến thức, kỹ năng cần có để đáp ứng các tiêu chí đánh giá

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Performance Based Outcomes	Demonstration, presentation, simulation, role play, work sample, performance test Trình diễn, thuyết trình, mô phỏng, đóng vai, bài kiểm tra mô phỏng công việc thực tế, thi đánh giá năng lực	Project, lab test, fieldwork, thesis, practicum, portfolios Dự án, thực hành ở phòng lab, đi thực địa, luận văn, rèn luyện nghiệp vụ, hồ sơ
	MCQs, short essay questions, posters Thi trắc nghiệm, viết bài luận ngắn, posters	Case studies, long essay questions, critiques, journal/blogs Nghiên cứu tình huống, viết bài luận dài, bài phê bình, bài báo/blog

Low Order Thinking Skills
Kỹ năng tư duy cấp độ thấp

High Order Thinking Skills
Kỹ năng tư duy cấp độ cao

Source: Johnson Ong Chee Bin, 2018

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP

(đối với miền nhận thức)

Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo
MCQ	MCQ	Thi đề mở, cho sử dụng tài liệu	Case study	Đánh giá bài viết tạp chí đã xuất bản	Tạo ra mô hình sản phẩm
Test chuẩn hóa	Điền vào chỗ trống	Dự án nhóm	Báo cáo thuyết trình	Bài luận đánh giá	Luận văn, luận án, poster
Test nhanh (Quiz)	Test nhanh (Quiz)	Thực hành, thực nghiệm	Dự án	Đánh giá tập hợp vấn đề	Sáng tác tác phẩm
			Tóm tắt sách, tài liệu	Thi nói	Mô hình doanh nghiệp
				Case study	Khởi nghiệp

Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp CTĐT (TT04)

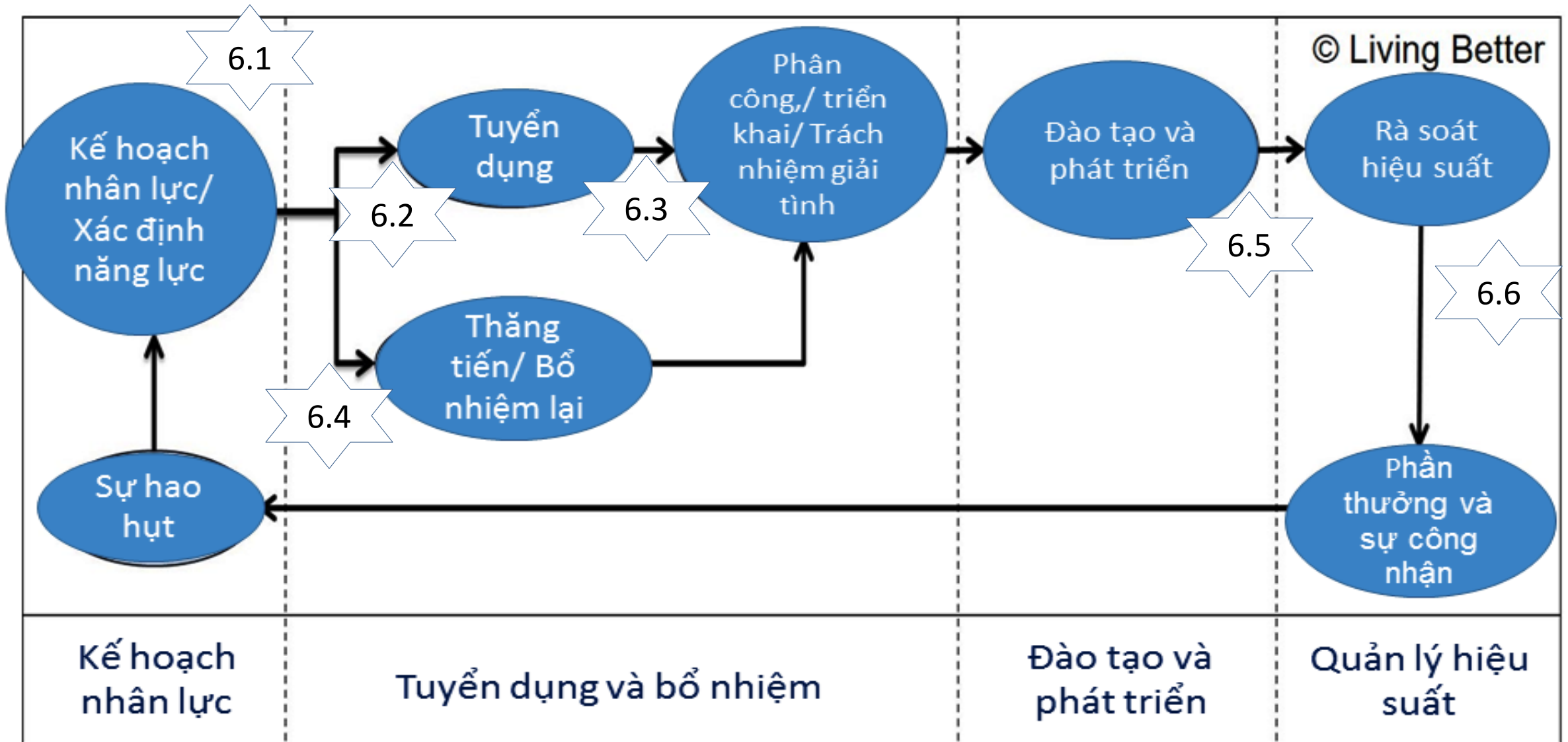
NHÓM TIÊU CHUẨN VỀ **NGUỒN LỰC** TRIỂN KHAI CTĐT

Tiêu chuẩn	Nội dung	Số tiêu chí
1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3
2	Mô tả CTĐT	3
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3
5	Đánh giá kết quả học tập	5
6	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7
7	Đội ngũ nhân viên	5
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5
10	Nâng cao chất lượng	6
11	Kết quả đầu ra	5

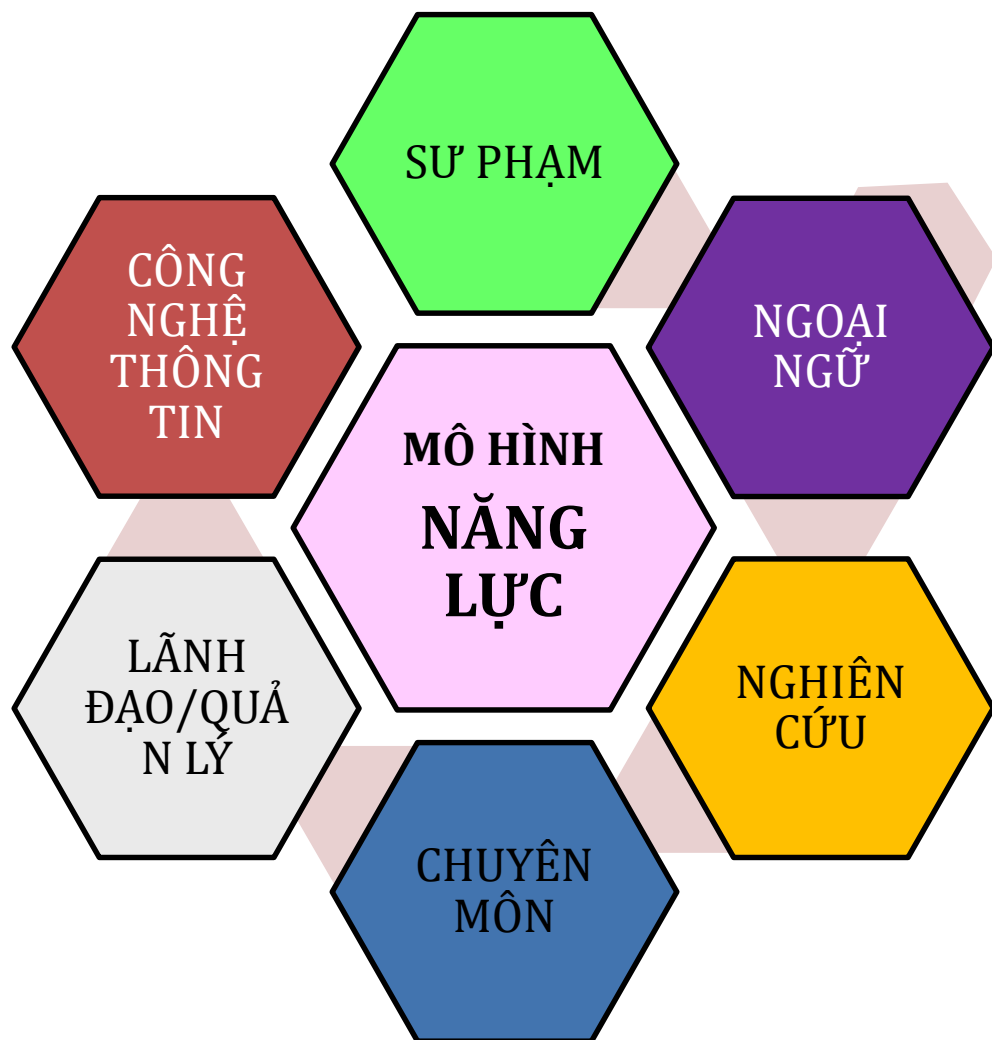
TC 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

6.1	Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [1]
6.2	Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [2]
6.3	Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. [4,5,6,7]
6.4	Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. [3]
6.5	Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. [8]
6.6	Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [9]
6.7	Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng [10]

Quản trị nguồn nhân lực



NĂNG LỰC CÁN BỘ HỌC THUẬT



1. Năng lực của GV

Một GV cần có khả năng:

- Thiết kế và triển khai chương trình dạy và học một cách nhất quán;
- Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học và lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nhất để đảm bảo việc đạt được CDR;
- Phát triển và sử dụng đa dạng các công cụ/nguồn lực hỗ trợ giảng dạy;
- Giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của bản thân để cải tiến chất lượng;
- Tham gia nghiên cứu và cung cấp các dịch vụ mang lại ích lợi cho các bên liên quan

TC7: Đội ngũ nhân viên

7.1	Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [1]
7.2	Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. [2]
7.3	Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. [3]
7.4	Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. [4]
7.5	Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [5]

TC7: Đội ngũ nhân viên

- 1. Có triển khai công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với đội ngũ nhân viên tại thư viện, phòng thí nghiệm, mảng công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ SV; đảm bảo đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng.**
- 2. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc dành cho đội ngũ nhân viên được xác định rõ và phổ biến rộng rãi. Vai trò của nhân viên được định rõ và nhiệm vụ được giao dựa trên thành tích, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.**
- 3. Năng lực của nhân viên được xác định và đánh giá nhằm đảm bảo năng lực phù hợp với vị trí công tác và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.**
- 4. Việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được thực hiện một cách có hệ thống; nhà trường triển khai các hoạt động phù hợp để đáp ứng các nhu cầu này.**
- 5. Việc quản lý theo hiệu quả công việc bao gồm khen thưởng và công nhận được thực hiện để thúc đẩy và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.**

TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

8.1	Chính sách và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng, được phổ biến và cập nhật [1]
8.2	Các phương pháp và tiêu chí tuyển chọn SV được định rõ và được đánh giá [2]
8.3	Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học, kết quả học tập và tải trọng học của SV [3]
8.4	Tư vấn học thuật, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi dành cho SV và các dịch vụ hỗ trợ SV được triển khai, giúp nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng tìm việc [4]
8.5	Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu cũng như tạo sự thoải mái cho SV [5]

TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- 1. Chính sách và tiêu chí tuyển sinh của chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật.***
- 2. Các phương pháp và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ và được đánh giá.***
- 3. Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của SV. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của SV được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới SV và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần.***
- 4. Có các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác dành cho SV giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm của SV.***
- 5. Nhằm thiết lập môi trường học tập có chất lượng, nhà trường cần cung cấp môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu cũng như tạo sự thoải mái cho SV.***

Sự khác biệt giữa đào tạo đại học và thạc sĩ

Vấn đề (theo tiêu chuẩn KĐCL CTĐT)	CTĐT ĐH	CTĐT Thạc sĩ
8. Hỗ trợ người học	• Đồng bộ các hoạt động tư vấn học tập; • Chăm sóc sức khỏe • Hỗ trợ tài chính, chỗ ở, NCKH, tâm lý, định hướng/việc làm; • Hỗ trợ khởi nghiệp,...	• Tập trung vào hỗ trợ các hoạt động NCKH; • Thực hiện luận văn tốt nghiệp; • Phát triển nghề nghiệp chuyên sâu

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học



Nguồn:
Tập huấn
Kiểm
định viên
của AUN
(1/2016)

TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

9.1	Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [1]
9.2	Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [3,4]
9.3	Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [1,2]
9.4	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [1,5,6]
9.5	Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. [7]

Sự khác biệt giữa đào tạo đại học và thạc sĩ

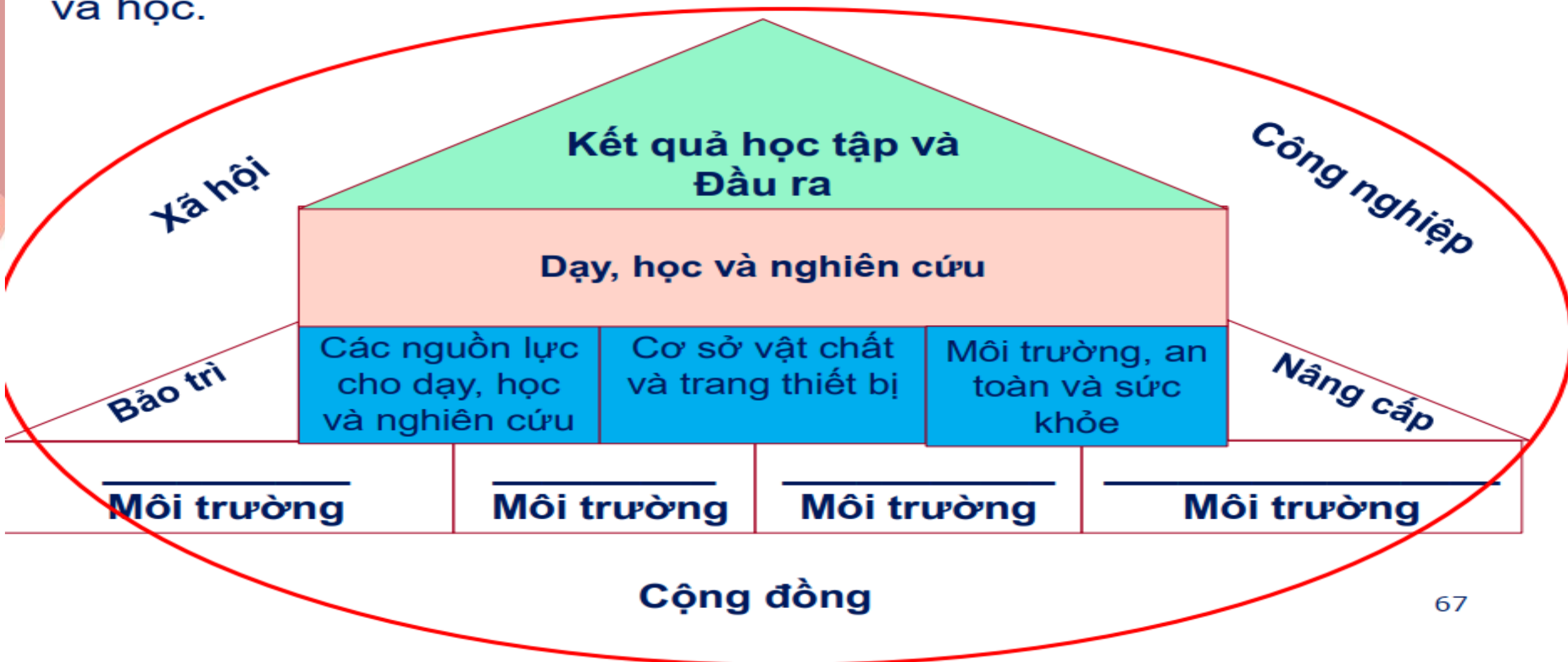
Vấn đề (theo tiêu chuẩn KĐCL CTĐT)	CTĐT ĐH	CTĐT Thạc sĩ
9. CSVC	• Đồng bộ với các hoạt động học tập; có PTH, PTN cơ bản • Tài liệu học tập theo ngành	• Có phòng nghiên cứu chuyên sâu, phòng sinh hoạt chuyên môn • Tài liệu tham khảo/nghiên cứu; ngoại văn; tạp chí chuyên ngành

TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

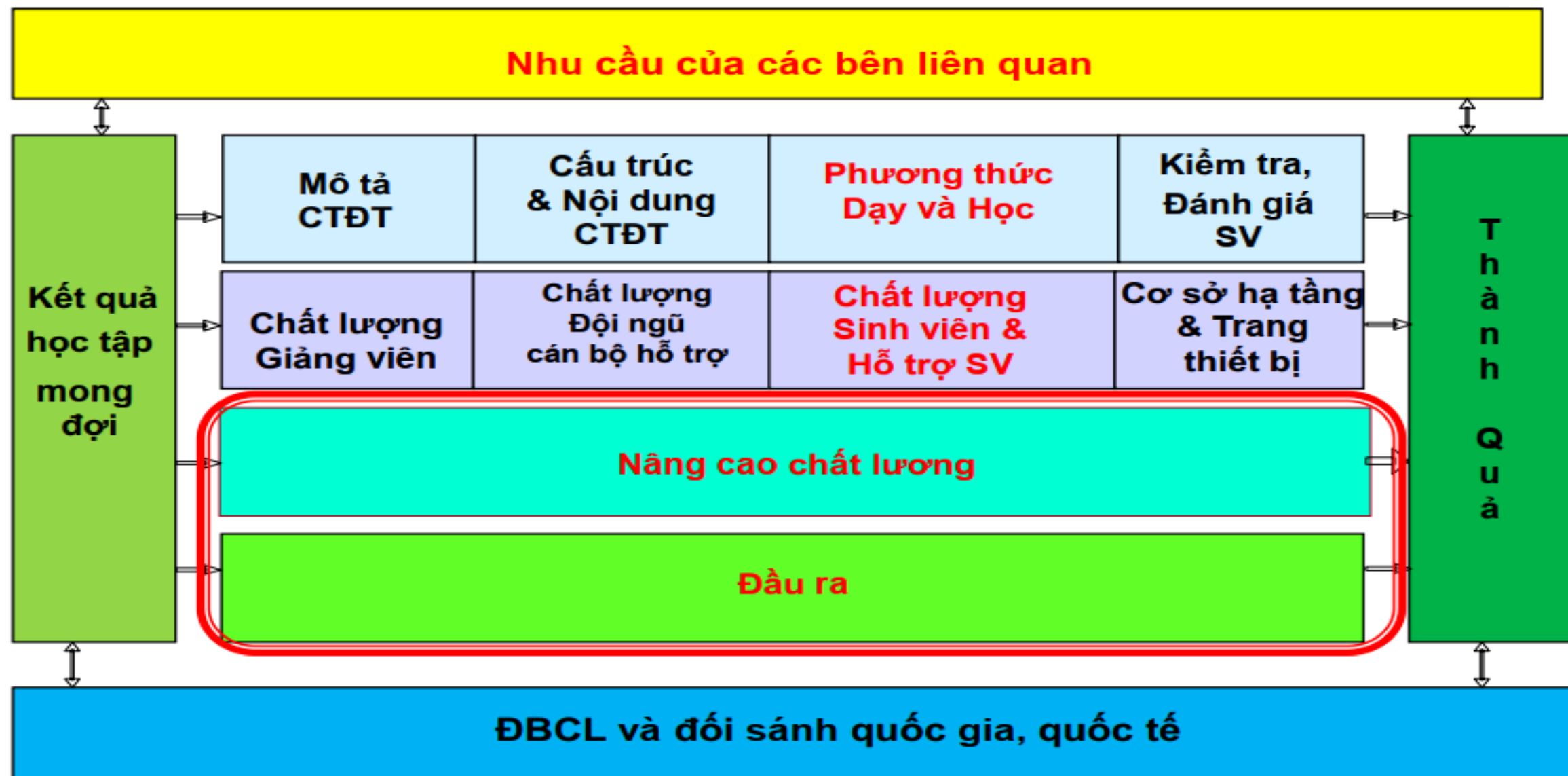
- 1. Để triển khai chương trình, trường/khoa phải có đủ cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài liệu học tập và hệ thống công nghệ thông tin.**
- 2. Trang thiết bị được cập nhật, sẵn sàng để sử dụng và được phân bổ sử dụng một cách hiệu quả.**
- 3. Các tài nguyên học tập được chọn lọc và đảm bảo phù hợp với mục tiêu của CTĐT.**
- 4. Nhà trường có xây dựng thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông.**
- 5. Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của cán bộ và SV.**
- 6. Cán bộ, GV và SV dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên trường để có thể khai thác tối đa công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ, và quản lý.**
- 7. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

Cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị cần được trang bị phù hợp với mục tiêu của chương trình; có mối liên hệ mật thiết với phương thức dạy và học.



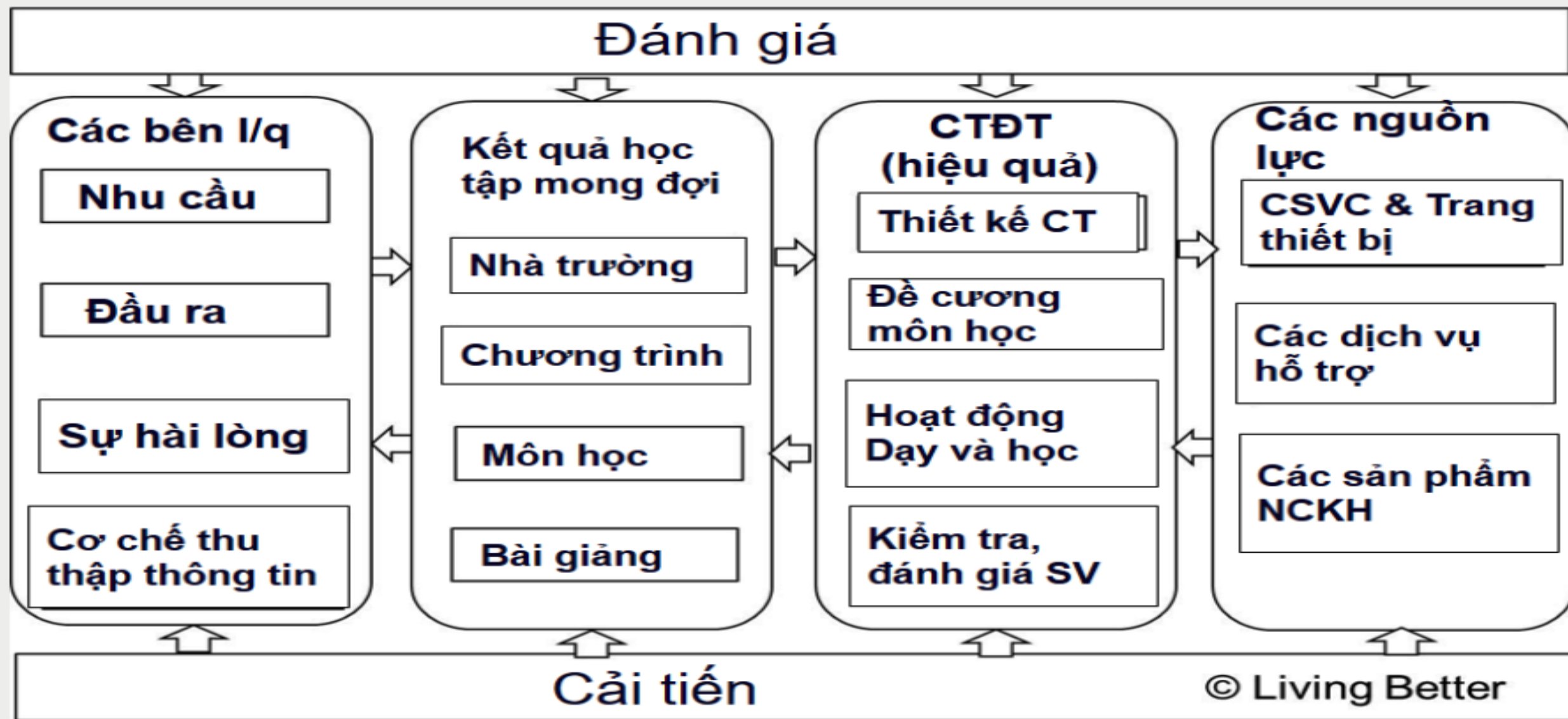
Nhóm Tiêu chuẩn về BĐCL



TC 10: Nâng cao chất lượng

10.1	Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. [1]
10.2	Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. [2]
10.3	Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. [3]
10.4	Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. [4]
10.5	Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến. [5]
10.6	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. [6]

TC 10: Nâng cao chất lượng



Sự khác biệt giữa đào tạo đại học và thạc sĩ

Vấn đề (theo tiêu chuẩn KĐCL CTĐT)	CTĐT ĐH	CTĐT Thạc sĩ
10. Nâng cao chất lượng	Khảo sát việc làm	Khảo sát cơ hội thăng tiến nghề nghiệp/phát triển chuyên sâu

TC 11: Kết quả đầu ra

11.1	Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. [1]
11.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. [1]
11.3	Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. [1]
11.4	Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. [2]
11.5	Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. [3]

Sự khác biệt giữa đào tạo đại học và thạc sĩ

Vấn đề (theo tiêu chuẩn KĐCL CTĐT)	CTĐT ĐH	CTĐT Thạc sĩ
11. Kết quả đầu ra	• Tình trạng việc làm, tự tạo việc làm, mức thu nhập • Sự hài lòng của nhà SDLĐ về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	• Tập trung vào khả năng thăng tiến của người học sau khi TN • Mức độ hài lòng của nhà SDLĐ về việc nâng cao hiệu quả công việc sau TN

Tính chất của TC Kết quả đầu ra

- Gồm các chỉ báo hoạt động (Performance Indicator)
- Giúp kiểm tra "Sức khỏe" của CCTĐ (tương tự như các chỉ số sức khỏe của người: Nhịp tim, chỉ số máu...)
- Việc xác định và phân tích thường xuyên các chỉ báo giúp sớm phát hiện dấu hiệu bất thường từ đó xác định nguyên nhân để khắc phục.

Lưu ý

- **Chỉ báo hoạt động** được:
 - Xác lập,
 - Giám sát
 - Đối sánh
 - Để cải tiến.
- **Cần:**
 - Chỉ ra xu hướng và giải thích xu hướng
 - Đối sánh với Mục tiêu đã đặt ra
 - Đối sánh với các CTĐT trong và ngoài trường
 - Xác định kế hoạch cải tiến

Tính chất của nhóm TC Nâng cao chất lượng

- ❑ Các hoạt động cải tiến chất lượng phải được lồng ghép trong mọi hoạt động của CTĐT.
- ❑ Thể hiện qua việc định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến.
- ❑ Việc ra quyết định dựa trên số liệu và phân tích giúp nâng cao hiệu quả các hoạt động của CTĐT

Những việc cần làm

Từ khóa	Ý nghĩa
Xác lập	• Nêu rõ định nghĩa, cách đo các chỉ báo • Có ban hành quy định, quy trình
Giám sát	• Các chỉ báo được định kỳ xác định, tổng hợp, phân tích, báo cáo • Có bộ phận chuyên trách thực hiện • Có các Cơ sở dữ liệu phục vụ việc ra quyết định
Đối sánh	• Các chỉ báo được so sánh bên trong và bên ngoài
Cải tiến	• Căn cứ trên kết quả phân tích các chỉ báo, các nguyên nhân của các hạn chế được xác định, các hoạt động điều chỉnh, cải tiến được thực hiện.

Lưu ý

- Một số chỉ báo “dễ đo”, “có sẵn”
 - Số liệu mang tính học vụ;
 - số lượng NCKH;
 - Số hoạt động sinh viên;
- Một số chỉ số “khó đo”, “không có sẵn”
 - Mức độ hài lòng;
 - Tác động...

Nguyên tắc đánh giá

Quá trình: PDCA

- ❑ **Plan:** xây dựng kế hoạch
- ❑ **Do:** triển khai công tác
- ❑ **Check:** giám sát, đánh giá
- ❑ **Act:** cải tiến

Kết quả: LeTCI

- ❑ **Level:** Mức độ đạt được kết quả
- ❑ **Trend:** Xu hướng phát triển
- ❑ **Comparisons:** so sánh (trong, ngoài)
- ❑ **Integration:** sự gắn kết với mục tiêu

Ví dụ 1: Tỷ lệ thi học & tỷ lệ tốt nghiệp

☐ Yêu cầu về số liệu

- Đầy đủ : tất cả các khóa học (tối thiểu 5 năm của quá trình đánh giá)
- Chi tiết:
 - ☐ Toàn trường
 - ☐ Từng Ngành
 - ☐ Từng nhóm người học: giới tính/thành phần/vùng miền
- Phân tích xu hướng
- Biểu diễn: Bảng, đồ thị

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC TIÊU CHUẨN

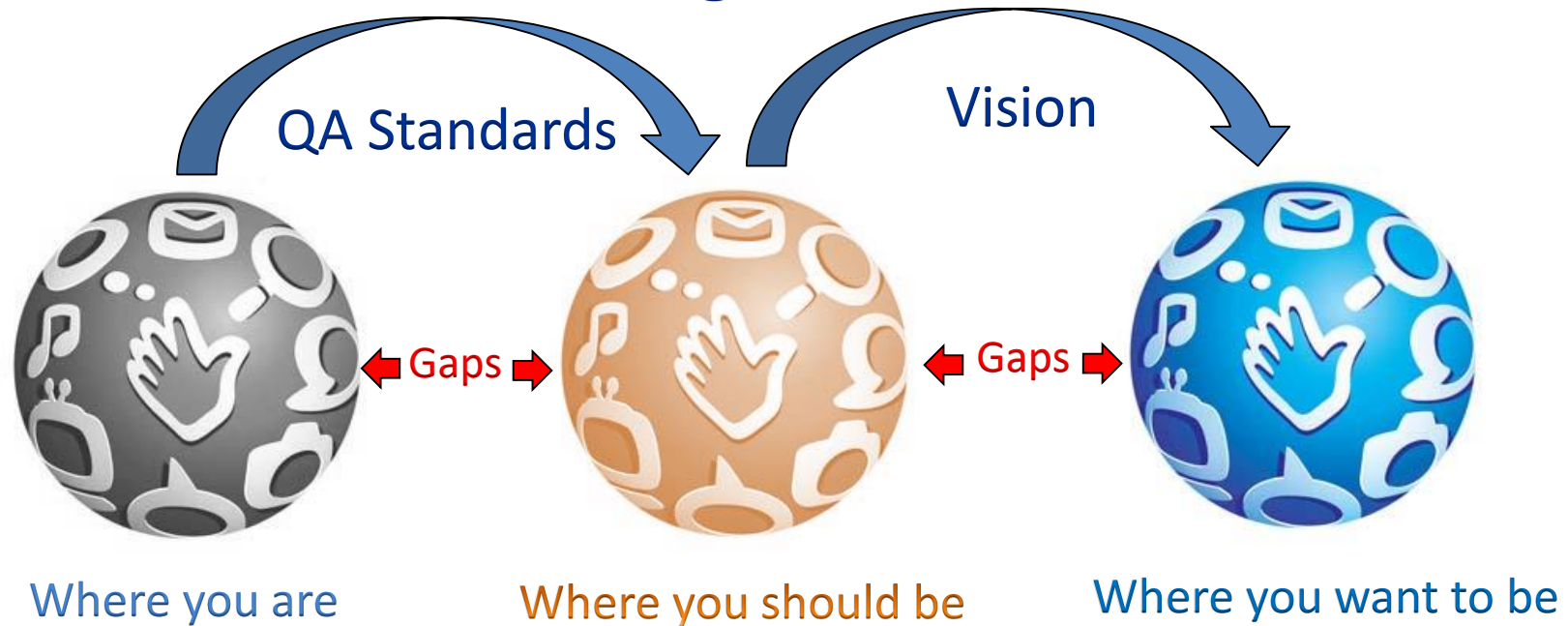
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1.1 1.2 1.3	2.1 2.2	3.1 3.2	4.2 4.3	5.1 5.3	6.4				10.1 10.3	11.5
2	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2 3.3	4.2	5.1 5.2 5.3	6.4		8.4			11.5
3	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2 3.3	4.2 4.3	5.1 5.2 5.3	6.4				10.2 10.3	11.5
4	1.1 1.2	2.1 2.2	3.1 3.2	4.1 4.2 4.3	5.1	6.4		8.5	9.1 9.2 9.3 9.4	10.3	11.5
5	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2	4.1 4.2	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5	6.4		8.3 8.4 8.5		10.3	11.5
6	1.1 1.2 1.3	2.3	3.1 3.2 3.3	4.1 4.2 4.3	5.1 5.2 5.3 5.4	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5 6.6 6.7		8.3 8.4	9.1 9.2 9.3 9.4	10.1 10.3 10.4 10.6	11.4 11.5
7							7.1 7.2 7.3 7.4 7.5	8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.5 10.6	11.5
8		2.3		4.1 4.2 4.3	5.2 5.3 5.4 5.5	6.4	7.3 7.5	8.1 8.2 8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.3 10.4 10.5 10.6	11.4 11.6
9				4.2 4.3		6.7	7.1 7.2 7.3 7.4 7.5	8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.5 10.6	11.4 11.5
10	1.3		3.1 3.2 3.3	4.1 4.2 4.3	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5	6.7	7.3	8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.2 10.3 10.4 10.5 10.6	11.5
11	1.3	2.3	3.3	4.2 4.3	5.2 5.4 5.5	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5	7.2 7.3 7.4 7.5	8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.5 10.6	11.1 11.2 11.3 11.4 11.5

Sự hài lòng của các bên liên quan



Self-Assessment (Gaps Analysis)

How to get there?



Thảo luận



Thank You